**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP NGỮ VĂN 9**

**HỌC KỲ II**

**PHẦN A. NỘI DUNG ÔN TẬP NGỮ VĂN 9.**

**I. Phần văn bản.**

**1*. Văn bản nghị luận hiện đại:***

- Đọc kỹ 3 văn bản: Bàn về đọc sách – Chu Quang Tiềm; Tiếng nói văn nghệ - Nguyễn Đình Thi; Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới – Vũ Khoan. Nêu được nội dung nghệ thuật.

**2*. Văn học hiện đại Việt Nam:***

**a. Thơ hiện đại:**

- Học thuộc phần tác giả: Chế Lan Viên, Thanh Hải, Viễn Phương, Hữu Thỉnh, Y Phương,

- Học thuộc lòng và nắm được nội dung, nghệ thuật các bài thơ ***Con cò, Mùa xuân nho nhỏ, Viếng Lăng Bác, Sang thu, Nói với con*** của các tác giả trên.

**b. Truyện hiện đại:**

2.1. Học thuộc lòng và nắm được nội dung, nghệ thuật các truyện ***Làng, Chiếc lược ngà, Lặng lẽ Sa Pa, Bến quê, Những ngôi sao xa xôi*** các tác giả trên.

**II. PHẦN TIẾNG VIỆT**:

1. Thế nào là thành phần khởi ngữ? Cho ví dụ

2. Thành phần biệt lập là gì? Có mấy thành phần biệt lập, nêu khái niệm? Cho ví dụ mỗi loại

3. Nêu các phép liên kết câu và liên kết đoạn văn

4. Phân biệt nghĩa tường minh và hàm ý, để sử dụng hàm ý cần có những điều kiện nào? viết đoạn văn có sử dụng hàm ý và cho biết đó là hàm ý gì

5. Nắm khái niệm các từ loại, vận dụng để nhận biết

6. Kể tên các thành phần chính và thành phần phụ của câu, nêu dấu hiệu nhận biết từng thành phần

**III**. **PHẦN TẬP LÀM VĂN:**

***1. Lý thuyết:***

- Nắm được một số phép lập luận trong văn nghị luận như: phân tích, tổng hợp. Học ghi nhớ.

- Phân biệt các kiểu bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống, nghị luận về một vấn đề tưởng đạo lí, nghị luận văn học (Nghị luận thơ và nghị luận về tác phẩm truyện.)

- Biết liên kết câu, liên kết đoạn văn trong văn bản đê viết được đoạn văn, bài văn mạch lạc có liên kết .

***2. Một số dạng bài tập tiêu biểu***

Câu 1: Chép nguyên văn khổ thơ cuối của bài Viếng lăng Bác của nhà thơ Viễn Phương. Cho biết nghệ thuật đặc sắc của khổ thơ đó.

Câu 2: Chép khổ thơ cuối bài Sang thu của Hữu Thỉnh. Cho biết giá trị nội dung và nghệ thuật của khổ thơ.

Câu 3: Những hình ảnh ẩn dụ “mặt trời”, “vầng trăng”, “trời xanh” trong bài thơ Viếng lăng Bác của Viễn Phương có tác dụng như thế nào trong việc biểu hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ đối với Bác Hồ.

Câu 4: Suy nghĩ về tình cha con trong *Chiếc lược ngà* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

Câu 5: Phát biểu suy nghĩ của em về nhân vật Phương Định trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi.*

Câu 6: Em hãy làm sáng tỏ nhận định sau: “Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ là tiếng lòng thể hiện tình yêu và khát vọng được cống hiến cho đời của nhà thơ Thanh Hải.

Câu 7: Suy nghĩ của em về nhan đề bài thơ: “Mùa xuân nho nhỏ”.

Câu 8: Nêu những nét chính về tác giả Thanh Hải và hoàn cảnh ra đời bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”.

**PHẦN B: GỢI Ý ĐÁP ÁN**

**I. Phần văn bản:**

1. Văn bản nghị luận hiện đại; Xem phần ghi nhớ: SGK

2*. Văn học hiện đại Việt Nam:*

Nội dung nghệ thuật:

Nội dung:

*- Văn bản: Con Cò*

+ Bài thơ ca ngợi tình mẹ và ý nghĩa lời ru đối với cuộc sống của con người.

+ Nghệ thuật:

Vận dụng sáng tạo hình ảnh giọng điệu ca dao, giọng thơ thiết tha, trìu mến. Có những câu thơ đúc kết được những suy ngẫm sâu sắc.

*- Văn bản: Mùa xuân nho nhỏ.*

+ Nội dung:

Bài thơ là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước,với cuộc đời;Thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước,góp một mùa xuân nho nhỏ của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.

+ Nghệ thuật:

* Nhạc điệu trong sáng thiết tha, tứ thơ sáng tạo tự nhiên, h/a thơ gợi cảm.
* NT so sánh sáng tạo.

*- Văn bản: Viếng lăng Bác.*

\* Nội dung:

Lòng thành kính xúc động của nhà thơ và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.

\* Nghệ thuật:

- Giọng điệu trang trọng thiết tha

- Nhiều h/a ẩn dụ đẹp gợi liên tưởng

- Sử dụng điệp từ, điệp ngữ.

*- Văn bản: Sang thu.*

\* Nội dung:

Cảm nhận tinh tế của tác giả về sự biến chuyển nhẹ nhàng của thiên nhiên khi vào thu.

\* Nghệ thuật:

Hình ảnh gợi tả bằng nhiều cảm giác. Giọng thơ nhẹ nhàng mà lắng đọng.

*- Văn bản: Nói với con.*

\* Nội dung:

Bằng lời trò chuyện với con, tác giả thể hiện sự gắn bó, niềm tự hào với quê hương và đạo lí sống của dân tộc.

\* Nghệ thuật:

Cách nói giàu h/a: vừa gần gũi mộc mạc, vừa có sức khái quát cao. Giọng điệu tha thiết.

**b. Truyện hiện đại:**

*- Văn bản: Làng.*

\* Nội dung:

Qua tâm trạng đau xót, tủi hổ của ông Hai ở nơi tản cư khi nghe tin đồn làng mình theo giặc, truyện thể hiện tình yêu làng, yêu quê sâu sắc, thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân.

\* Nghệ thuật:

Xây dựng tình huống nhân vật, nghệ thuật miêu tả tâm lí và ngôn ngữ nhân vật

*- Văn bản: Chiếc lược ngà.*

\* Nội dung:

Câu chuyện éo le và cảm động về hai cha con: Ông Sáu và bé Thu trong lần ông về thăm nhà và ở khu căn cứ. Qua đó truyện ca ngợi tình cha con thắm thiết trong hoàn cảnh chiến tranh

\* Nghệ thuật:

Truyện thành công trong việc miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật, đặc biệt là nhân vật bé Thu.

*- Văn bản: Lặng lễ Sa Pa.*

\* Nội dung:

Cuộc gặp gỡ tình cờ của ông họa sĩ, cô kĩ sư mới ra trường với người thanh niên làm việc một mình tại trạm khí tượng trên núi cao Sa Pa. Qua đó truyện ca ngợi những ngời lao động thầm lặng, có cách sống đẹp, cống hiến sức mình cho đất nước.

\* Nghệ thuật:

Truyện xây dựng được tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận

*- Văn bản: Bến quê*

\* Nội dung:

Qua những cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật Nhĩ vào lúc cuối đời trên giường bệnh, truyện thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị, gần gũi của cuộc sống, của quê hương.

\* Nghệ thuật:

Sự miêu tả tâm lí tinh tế, nhiều hình ảnh giàu tính biểu tượng, cách xây dựng tình huống, trần thuật theo dòng tâm trạng của nhân vật.

*- Văn bản: Những ngôi sao xa xôi.*

\* Nội dung:

Cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái TNXP trên một cao điểm ở tuyến đường trường sơn trong những năm chiến tranh chống Mĩ cứu nước. Truyện làm nổi bật tâm hồn trong sáng, giàu mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của họ.

\* Nghệ thuật:

Truyện sử dụng vai kể là nhân vật chính, cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động và thành công trong miêu tả tâm lí nhân vật

**II. PHẦN TIẾNG VIỆT: Xem SGK**

**III**. **PHẦN TẬP LÀM VĂN:** Một số gợi ý cho dàn bài tập làm văn.

**\* Đề 1.**

*Tình cảm chân thành và tha thiết của nhân dân ta với Bác Hồ được thể hiện qua bài thơ* ***“Viếng Lăng Bác****” của Viễn Phương.*

**a. Mở bài :**

- Khái quát chung về tác giả và bài thơ.

- Tình cảm của nhân dân đối với Bác thể hiện rõ nét trong bài thơ “*Viếng lăng Bác*” của Viễn Phương

**b. Thân bài:**

*Khổ 1: Cảm xúc của tác giả khi đến thăm lăng Bác*

- Câu thơ thật giản dị thân quen với cách dùng đại từ xưng hô “*con*” rất gần gũi, thân thiết, ấm áp tình thân thương.

- Tác giả sử dụng từ “*thăm*” thay cho từ “*viếng*” mong sao giảm nhẹ được nỗi đau thương, mất mát.

- Hình ảnh hàng tre qua cảm nhận của nhà thơ đã trở thành biểu tượng của tình cảm nhân dân gắn bó với Bác, thành biểu tượng sức sống bền bỉ, mạnh mẽ của dân tộc.

*Khổ 2: Sự tôn kính của tác giả, của nhân dân đối với Bác khi đứng trước lăng Người.*

- Hình ảnh ẩn dụ *"mặt trời trong lăng*" thể hiện sự tôn kính biết ơn của nhân dân đối với Bác. Cảm nhận về sức sống tư tưởng Hồ Chí Minh, về suy nghĩ Bác còn sống mãi chứa đựng trong mỗi hình ảnh của khổ thơ.

- Hình ảnh dòng người thành một tràng hoa trước lăng. =>Hình ảnh “tràng hoa” một lần nữa tô đậm thêm sự tôn kính, biết ơn tự hào của tác giả cũng như của dân tộc VN đối với Bác.

 *Khổ 3-4: Niềm xúc động nghẹn ngào khi tác giả nhìn thấy Bác*

- Những cảm xúc thiêng liêng của nhà thơ về Bác

- Những cảm xúc chân thành, tha thiết ấy nâng lên thành ước muốn sống đẹp.

- Những cảm xúc của nhà thơ về Bác cũng là cảm xúc của mỗi người dân miền Nam với Bác

**c. Kết bài:**

- Khẳng định lại tình cảm chân thành tha thiết của nhân dân đối với Bác.

- Suy nghĩ của bản thân.

**\* Đề 2:**

*Cảm nhận của em về bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”của Thanh Hải.*

**\* Gợi ý:**

**a. Mở bài:**

- Khái quát về tác giả, hoàn cảnh sáng tác bài thơ.

- Cảm nhận chung về bài thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước và khát vọng đẹp đẽ muốn làm “một mùa xuân nho nhỏ” dâng hiến cho cuộc đời.

**b. Thân bài**

- Mùa xuân của thiên nhiên rất đẹp, đầy sức sống và tràn ngập niềm vui rạo rực: Qua hình ảnh, âm thanh, màu sắc...

- Mùa xuân của đất nước*:* Hình ảnh “người cầm súng, người ra đồng” biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến đấu và lao động dựng xây lại quê hương sau những đau thương mất mát.

-> Âm hưởng thơ hối hả, khẩn trương với nhiều điệp từ, điệp ngữ láy lại ở đầu câu.

**-** Suy ngẫm và tâm niệm của nhà thơ trước mùa xuân đất nước là khát vọng được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp.

-> Thể hiện một cách chân thành trong những hình ảnh tự nhiên, giản dị và đẹp.

- Cách cấu tứ lặp lại như vậy tạo ra sự đối ứng chặt chẽ và mang một ý nghĩa mới: Niềm mong muốn được sống có ích,cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót, bông hoa toả hương sắc cho đời.

***c*. Kết luận**:

- Ý nghĩa đem lại từ bài thơ.

- Cảm xúc đẹp về mùa xuân, gợi suy nghĩ về một lẽ sống cao đẹp của một tâm hồn trong sáng.

**\* Đề 3:**

*Những cảm nhận tinh tế, sâu sắc của nhà thơ Hữu Thỉnh về sự biến đổi của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu qua bài thơ “Sang thu”.*

**Gợi ý:**

**a- Mở bài :**

- Đề tài mùa thu trong thi ca xưa và nay rất phong phú

- “Sang thu” của Hữu Thỉnh lại có nét riêng bởi chỉ diễn tả các yếu tố chuyển giao màu. Bài thơ thoáng nhẹ mà tinh tế.

**b. Thân bài:**

*\* Những dấu hiệu ban đầu của sự giao mùa*

- Mở đầu bài thơ bằng từ *“bỗng”* nhà thơ như diễn tả cái hơi giật mình chợt nhận ra dấu hiệu đầu tiên từ làn *“gió se”* mang theo hương ổi bắt đầu chín .

- *Hương ổi*; *Phả vào trong gió se* : sự cảm nhận thật tinh

- Rồi bằng thị giác: sương đầu thu nên đến chầm chậm, lại được diễn tả rất gợi cảm *“chùng chình qua ngõ”* như cố ý đợi khiến người vô tình cũng phải để ý.

- Ngoài ra, từ *“bỗng”,* từ *“hình như”* còn diễn tả tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc bâng khuâng,…

*\* Những dấu hiệu mùa thu đã dần dần rõ hơn, cảnh vật tiếp tục được cảm nhận bằng nhiều giác quan.*

- Cái ngỡ ngàng ban đầu đã nhường chỗ cho những cảm nhận tinh tế, cảnh vật mùa thu mới chớm với những bước đi rất nhẹ, rất dịu, rất êm.

- Đã hết rồi nước lũ cuồn cuộn nên dòng sông thong thả trôi

- Trái lại, những loài chim di cư *bắt đầu vội vã*

- Cảm giác giao mùa được diễn tả rất thú vị . Sự giao mùa được hình tượng hoá thành dáng nằm duyên dáng *vắt nửa mình sang thu* .

*\* Tiết thu đã lấn dần thời tiết hạ:* Sự thay đổi rất nhẹ nhàng không gây cảm giác đột ngột, khó chịu được diễn tả khéo léo bằng những từ chỉ mức độ rất tinh tế :*vẫn còn, đã vơi, cũng bớt*.

**c- Kết bài:**

- Bài thơ bé nhỏ xinh xắn nhưng chứa đựng nhiều điều thú vị, bởi vì mỗi chữ, mỗi dòng là một phát hiện mới mẻ

- Chứng tỏ một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, một tài thơ đặc sắc.

**\* Đề 4:**

*Nhân vật ông Hai trong truyện “Làng” của Kim Lân.*

Gợi ý:

**1 . Mở bài:**

Nêu những nét chính về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm và những nét khái quát về nhân vật ông Hai.

* Kim Lân là nhà văn có sở trường về truyện ngắn, am hiểu về đời sống nông dân nông thôn.
* Truyện ngắn “Làng” được in lần đầu tiên trên tạp chí Văn nghệ năm 1948
* Nhân vật chính là ông Hai, một nông dân phải dời làng đi tản cư nhưng có tình yêu làng, yêu nước sâu sắc, tinh thần kháng chiến cao, trung kiên cách mạng.
1. **Thân bài**
2. Ông Hai có tình yêu làng sâu sắc đặc biệt với làng Chợ Dầu, nơi chôn nhau cắt rốn của ông.
* Kháng chiến chống Pháp nổ ra:

+ Ông Hai muốn trở lại làng để chống giặc nhưng vì hoàn cảnh gia đình phải tản cư, ông luôn day dứt nhớ làng.

+ Tự hào về làng, ông tự hào về phong trào cách mạng, tinh thần kháng chiến sôi nổi của làng.

1. Tình yêu làng của ông Hai hòa nhập thống nhất với lòng yêu nước, yêu kháng chiến, cách mạng.

+ Nghe tin làng chợ Dầu theo giặc Pháp ông đau đớn nhục nhã, “làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”.

+ Nghe tin cải chính làng không theo giặc, ông Hai vui sướng tự hào nên dù nhà ông bị giặc đốt ông không buồn, không tiếc, xem đó là bằng chứng về lòng trung thành của ông đối với cách mạng.

1. Kim Lân thành công trong cách xây dựng cốt truyện tâm lí, đặt nhân vật trong tình huống gay gắt, đấu tranh nội tâm căng thẳng để bộc lộ tâm trạng tính cách nhân vật.
* Miêu tả nổi bật tâm trạng tính cách nhân vật qua đối thoại, độc thoại, đấu tranh nội tâm, ngôn ngữ, thái độ, cử chỉ, suy nghĩ hành động.
1. Kết bài.

 - Ông Hai tiêu biểu cho tầng lớp nông dân thời chống Pháp yêu làng yêu nước sâu sắc.

***\* Đề 5:***

*Cảm nhận của em về truyện ngắn “Lặng lẽ SaPa” của Nguyễn Thành Long*.

***\* Gợi ý:***

***a. Mở bài:*** Giới thiệu chung về tác giả, hoàn cảnh ra đời tác phẩm.

+ Tác giả: Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, viết văn từ thời kì kháng chiến chống Pháp.

- Ông là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí. Ông là một cây bút cần mẫn và nghiêm túc trong lao động nghệ thuật, lại rất coi trọng thâm nhập thực tế đời sống. Sáng tác của Nguyễn Thành Long hầu như chỉ viết về những vẻ đẹp bình dị của con người và thiên nhiên đất nước.

+ Tác phẩm:

Truyện ngắn *“Lặng lẽ SaPa”* là kết quả của chuyến đi lên Lào Cai trong mùa hè năm 1970 của tác giả. Truyện rút từ tập *“Giữa trong xanh”* in năm 1972.

+ Cảm nhận chung của em về truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa.

***b. Thân bài:***

- Truyện ngắn *“Lặng lẽ SaPa”* viết về những con người sống đẹp, có ích cho đời, có lí tưởng ước mơ, niềm tin yêu vững bền vào nghề nghiệp, kiến thức, trình độ khoa học mà nhân vật anh thanh niên là hiện thân vẻ đẹp đó.

- Nhân vật anh thanh niên, ở tuổi đời hai mươi bảy tự nguyện rời nơi phồn hoa đô hội lên công tác ở đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Điều kiện làm việc vô cùng khắc nghiệt, vất vả nhưng bằng lòng yêu nghề, tình yêu cuộc sống đã khiến anh quyết định gắn bó với công việc khí tượng kiêm vật lí địa cầu.

- Khó khăn nhất mà anh phải vượt qua chính là sự cô đơn lạnh lẽo đến mức *“thèm người”* và được bác lái xe mệnh danh là *“người cô độc nhất thế gian”.*

- Ngoài là người có học thức, có trình độ, anh thanh niên còn có một tâm hồn trong sáng, yêu đời, yêu cuộc sống.

- Có niềm vui đọc sách, trồng rau, trồng hoa, nuôi gà cải thiện cuộc sống. Biết sắp xếp công việc, cuộc sống một cách ngăn nắp, chủ động.

- Ở anh thanh niên còn toát lên bản tính chân thành, khiêm tốn, cởi mở, hiếu khách, luôn biết sống vì mọi người.

- Qua lời kể của anh thanh niên, ông kĩ sư nông nghiệp ở vườn ươm su hào, anh kĩ sư lập bản đồ chống sét… đều là những người sống thầm lặng trên mảnh đất SaPa mà lao động cần mẫn, say mê quên mình vì công việc.

- Bác lái xe trong vai người dẫn truyện là điểm dừng cho mọi cuộc gặp gỡ. Tạo nên sự hấp dẫn, tò mò tìm hiểu của người đọc. Ông họa sĩ là nhân vật hóa thân của nhà văn - người xem đây là một chuyến đi may mắn trong cuộc đời nghệ thuật của mình. Cô kĩ sư đã phát hiện ra nhiều điều mới mẻ trong chuyến đi đầu đời.

- Nghệ thuật: Xây dựng tình huống hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận.

***c. Kết bài:***

Nguyễn Thành Long đã góp một tiếng nói ca ngợi cuộc sống và tái hiện một cách đầy đủ những vẻ đẹp của con người. Khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng. Niềm hạnh phúc của con người trong lao động có ích.

 **\*Đề 6:**

Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật bé Thu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà’’ của Nguyễn Quang Sáng.

 **1. Mở bài:**

* Giới thiệu được tác giả, tác phẩm và nhân vật bé Thu với tài năng miêu tả tâm lý nhân vật.

- Cảm nhận chung về nhân vật bé Thu.

**2. Thân bài:**

Phân tích diễn biến tâm lý của nhân vật bé Thu - nhân vật chính của đoạn trích “Chiếc lược ngà’’ một cô bé hồn nhiên ngây thơ, có cá tính bướng bỉnh nhưng yêu thương ba sâu sắc.

- Khái quát được cảnh ngộ của gia đình bé Thu, đất nước có chiến tranh, cha đi công tác khi Thu chưa đầy một tuổi, lớn lên em chưa một lần gặp ba được ba chăm sóc yêu thương, tình yêu Thu dành cho ba chỉ gửi trong tấm ảnh ba chụp chung cùng má.

- Diễn biến tâm lý của bé Thu trước khi nhận anh Sáu là cha:

+ Yêu thương ba nhưng khi gặp anh Sáu, trước những hành động vội vã thái độ xúc động, nôn nóng của cha…Thu ngạc nhiên lạ lùng, sợ hãi và bỏ chạy….những hành động chứa đựng sự lảng tránh đó lại hoàn toàn phù hợp với tâm lí trẻ thơ bởi trong suy nghĩ của Thu anh Sáu là người đàn ông lạ lại có vết thẹo trên mặt giần giật dễ sợ.

+ Trong hai ngày sau đó Thu hoàn toàn lạnh lùng trước những cử chỉ đầy yêu thương của cha, nó cự tuyệt tiếng ba một cách quyết liệt trong những cảnh huống mời ba vào ăn cơm, xử lí nồi cơm sôi, và thái độ hất tung cái trứng cá trong bữa cơm…Từ cự tuyệt nó đã phản ứng mạnh mẽ….nó căm ghét cao độ người đàn ông măt thẹo kia, nó tức giận, và khi bị đánh nó đã bỏ đi một cách bất cần…. đó là phản ứng tâm lí hoàn toàn tự nhiên của một đứa trẻ có cá tính mạnh mẽ… Hành động tưởng như vô lễ đáng trách của Thu lại hoàn toàn không đáng trách mà còn đáng thương, bởi em còn quá nhỏ chưa hiểu được những tình thế khắc nghiệt éo le của đời sống. Đằng sau những hành động ấy ẩn chứa cả tình yêu thương ba,sự kiêu hãnh của trẻ thơ về một tình yêu nguyên vẹn trong sáng mà Thu dành cho ba.

- Diễn biến tâm lý của Thu khi nhận ba:

+ Sự thay đổi thái độ đến khó hiểu của Thu, không ương bướng mà buồn rầu nghĩ ngợi sâu xa, ánh mắt cử chỉ hành động của bé Thu như thể hiện sự ân hận, sự nuối tiếc, muốn nhận ba nhưng e ngại vì đã làm ba giận.

+ Tình yêu thương ba được bộc lộ hối hả ào ạt mãnh liệt khi anh Sáu nói “Thôi ba đi nghe con”. Tình yêu ấy kết đọng trong âm vang tiếng **Ba** trong những hành động vội vã: Chạy nhanh như con sóc, nhảy thót lên, hôn ba nó cùng khắp, trong lời ước nguyện mua cây lược, tiếng khóc nức nở…Đó là cuộc hội ngộ chia tay đầy xúc động, thiêng liêng đã tác động sâu sắc đến bác Ba, mọi người …

+ Sự lý giải nguyên nhân việc hiểu lầm của bé Thu đựợc tác giả thể hiện thật khéo léo đó là do vết thẹo trên mặt người ba khi hiểu ra sự thực Thu “nằm im lăn lộn thở dài như người lớn”. Vết thẹo không chỉ gây ra nỗi đau về thể xác mà còn hằn nên nỗi đau về tinh thần gây ra sự xa cách hiểu lầm giữa cha con bé Thu. Nhưng chiến tranh dù có tàn khốc bao nhiêu thì tình cảm cha con anh Sáu càng trở lên thiêng liêng sâu lặng.

- Khẳng định lại vấn đề: Ngòi bút miêu tả tâm lý khắc hoạ tính cách nhân vật tinh tế thể hiện được ở bé Thu một cô bé hồn nhiên ngây thơ, mạnh mẽ cứng cỏi yêu ghét rạch ròi. Trong sự đối lập của hành động thái độ trước và sau khi nhân ba lại là sự nhất quán về tính cách về tình yêu thương ba sâu sắc.

- Những năm tháng sống gắn bó với mảnh đất Nam Bộ, trái tim nhạy cảm, nhân hậu, am hiểu tâm lý của trẻ thơ đã giúp tác giả xây dựng thành công nhân vật bé Thu.

- Suy nghĩ về đời sống tình cảm gia đình trong chiến tranh, trân trọng tình cảm gia đình trong cuộc sống hôm nay.

**3. Kết bài:**

Khẳng định thành công, đồng thời bộc lộ ấn tượng sâu đậm nhất về nhân vật cũng như toàn bộ tác phẩm.

**\* Đề 7** *Những suy nghĩ và trải nghiệm của nhân vật Nhĩ qua cảnh vật thiên nhiên và con người nơi bến quê trong truyện ngắn Bến quê của Nguyễn Minh Châu.*

***Dàn bài***

***1. Mở bài:***

- Nguyễn Minh Châu là cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam thời kì kháng chiến chống Mĩ. Sau năm 1975, bằng những tìm tòi đổi mới sâu sắc về văn học nghệ thuật, đặc biệt là về truyện ngắn, Nguyễn Minh Châu trở thành một trong những người mở đường cho công cuộc đổi mới văn học.

*- Bến quê được xuất bản năm 1985. Với cốt truyện rất bình di nhưng truyện chứa đựng những suy nghĩ, trải nghiệm sâu sắc của nhà văn về con người và cuộc đời, thức tỉnh ở mọi người sự trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình của quê hương.*

***2. Thân bài:***

\* Giới thiêu chung về nhân vật Nhĩ:

- Nhĩ là một con người từng trải và có địa vị, đi rộng biết nhiều **“*Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất”*,** anh đã từng in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ, Có thể nói bao cảnh đẹp những nơi phồn hoa đô hội gần xa, những miếng ngon nơi đất khách quê người, anh đã được thưởng thức, nhưng những cảnh đẹp gần gũi, những con người tình nghĩa thân thuộc nơi quê hương cho đến ngày tháng năm ốm đau trên gường bệnh khi sắp từ giã cõi đời anh mới cảm thấy một cách sâu sắc, cảm động

a. Những suy nghĩ, trải nghiệm của nhân vật Nhĩ qua cảnh vật nơi bến quê:

- Qua của sổ nhà mình nhĩ cảm nhận được trong tiết trời lập thu vẻ đẹp của hoa bằng lăng *“đậm sắc hơn”.* Sông Hồng *“màu đỏ nhạt, mặt sông như rộng thêm ra”*, bãi bồi phù sa lâu đời ở bên kia sông dưới những tia nắng sớm đầu thu đang phô ra *“một thứ màu vàng thau xen với màu xanh non.*..” và bầu trời, vòm trời quê nhà *“như cao hơn”*

- Nhìn qua cửa sổ nhà mình, Nhĩ xúc động trước vẻ đẹp của quê hương mà trước đây anh đã ít nhìn thấy và cảm thấy, phải chăng vì cuộc sống bận rộn, tất tả ngược xuôi hay bởi tại vô tình mà quên lãng

 **=> Nhắc nhở người đọc phải biết gắn bó, trân trọng những cảnh vật quê hương vì những cái đó là là máu thịt là tâm hồn của mỗi chúng ta.**

b. Tình cảm và sự quan tâm của vợ con với Nhĩ:

\* Nhĩ bị ốm đau nằm liệt gường, Nhĩ được vợ con chăm sóc tận tình, chu đáo

- Liên, vợ Nhĩ tần tảo, giàu đức hi sinh khiến Nhĩ cảm động *“Anh cứ yên tâm. Vất vả tốn kém đến bao nhiêu em và các con cũng chăm lo cho anh được” “tiếng bước chân rón rén quen thuộc”* của người vợ hiền thảo trên *“những bậc gỗ mòn lõm”* và *“lần đầu tiên anh thấy Liên mặc tấm áo vá”* Nhĩ đã ân hận vì sự vô tình của mình với vợ. Nhĩ hiểu ra rằng: Gia đình là điểm tựa vững chắc nhất của cuộc đời mỗi con người,

 - Tuấn là đứa con thứ hai của Nhĩ. Nhĩ đã sai con đi sang bên kia sông *“qua đò đặt chân lên bờ bên kia, đi chơi loanh quanh rồi ngồi suống nghỉ chân ở đâu đó một lát, rồi về”*. Nhĩ muốn con trai thay mặt mình qua sông, để ngắm nhìn cảnh vật thân quen, bình di mà suốt cuộc đời Nhĩ đã lãng quên.

+ Tuấn *“đang sà vào một đám người chơi phá cờ thế trên hè phố*” mà quên mất việc bố nhờ, khiến Nhĩ nghĩ một cách buồn bã “*con người ta trên đường đời khó tránh khỏi những điều vòng vèo hoặc chùng chình*”để đến châm hoặc không đạt được mục đích của cuộc đời.

c. Quan hệ của Nhĩ với những người hàng xóm:

- Bọn trẻ: *“Cả bọn trẻ xúm vào, chúng giúp anh đặt một bàn tay lên bậu của sổ, kê cao dưới mông anh bằng cả một chiếc chăn gập lại rồi sau đó mới bê cái chồng gối đặt sau lưng”*

 - Ông cụ giáo Khuyến *“Đã thành lệ, buổi sáng nào ông cụ già hàng xóm đi xếp hàng mua báo về cũng ghé vào hỏi thăm sức khỏe của Nhĩ”*

=> Đó là một sự giúp đỡ vô tư, trong sáng, giàu cảm thông chia sẻ, giản dị, chân thực.

**3. Kết luận**

- Khẳng định sự phát hiện và trân trọng những vẻ đẹp gần gũi và bình dị của cuộc sống và tình yêu cuộc sống mãnh liệt của nhân vật Nhĩ.

**\* Đề 8:**

*Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Phương Định trong tác phẩm "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê.*

**Dàn bài:**

**1. Mở bài**

Giới thiệu những nét chính về tác giả Lê Minh Khuê, truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" và các nhân vật trong truyện.

- "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của "*Tổ trinh sát mặt đường*" trên con đường chiến lược Trường Sơn thời đánh Mĩ. *Tổ trinh sát mặt đường* gồm có ba cô thanh niên xung phong: Nho, Phương Định và chị Thao, họ ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, ở đó, máy bay Mĩ đánh phá dữ dội. Công việc của họ vô cùng nguy hiểm, gian khổ là đo và ước tính khối lượng đất đá bị địch đào xới, đếm, đánh dấu và phá bom nổ chậm, trong khi ấy thần chết là một tay không thích đùa *luôn lẩn trong ruột những quả bom*. Thần kinh căng như chão. Xong việc từ cao điểm trở về hang, cô nào cũng chỉ thấy *hai con mắt lấp lánh*, *hàm răng loá lên*, khi cười, khuôn mặt thì *lem luốc*.

- Cả ba cô, cô nào cũng đáng mến, đáng cảm phục. Nhưng Phương Định là cô gái để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng ta.

**2. Thân bài**

- Phương Định, con gái Hà Nội *hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn*. Đôi mắt cô được các anh lái xe bảo là *có cái nhìn sao mà xa xăm*. Nhiều pháo thủ và lái xe hay "*hỏi thăm*" hoặc "*viết những bức thư dài gửi đường dây*" cho Định. Cô có vẻ kiêu kì, làm *"điệu*" khi tiếp xúc với một anh bộ đội *nói giỏi* nào đấy, nhưng trong suy nghĩ của cô thì *những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ*.

- Phương Định là một cô gái rất hồn nhiên, yêu đời, giàu cá tính. Thuở nhỏ đã hay hát. Cô có thể ngồi lên thành cửa sổ căn phòng nhỏ bé nhà mình *hát say sưa ầm ĩ*. Bàn học lúc nào cũng *bày bừa bãi lên*, để đến nỗi mẹ phải mắng. Sống trong cảnh bom đạn ác liệt, cái chết kề bên, Định lại càng hay hát. Những bài hành khúc, những điệu dân ca quan họ, bài Ca-chiu-sa của Hồng quân Liên Xô, bài dân ca ý... Định còn bịa ra lời những bài hát, Định hát trong những khoảng khắc *im lặng*, hát để động viên Nho, chị Thao và động viên mình. Hát khi máy *bay rít, bom nổ*. Đúng là *tiếng hát át tiếng bom* của những người con gái trong tổ trinh sát mặt đường, những con người *khao khát làm nên những sự tích anh hùng.*

- Trong kháng chiến chống Mĩ, tiền tuyến vẫy gọi, hàng vạn cô gái mang chí khí Bà Trưng, Bà Triệu xung phong ra tiền tuyến trong đó có Phương Định. Con đường Trường Sơn huyền thoại được làm nên bằng xương máu, mồ hôi và bao sự tích phi thường của những người con gái Việt Nam anh hùng.

- *Những ngôi sao xa xôi* tái hiện chân thực diễn biến tâm lí Phương Định trong một lần phá bom nổ chậm. Cô dũng cảm, bình tĩnh tiến đến gần quả bom *đàng hoàng mà bước tới*. Định dung lưỡi xẻng đào đất, có lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom, có lúc Định *rùng mình* vì cảm thấy tại sao mình làm chậm thế! Rồi bom nổ váng óc, đất rơi lộp bộp, mắt cay mãi mới mở được, cát lạo xạo trong miệng. Đó là cuộc sống thường nhật của họ. Phương Định cho biết *tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng đó là một cái chết mờ nhạt không cụ thể*.. Phương Định cùng Nho, chị Thao đã sáng ngời trong khói bom lửa đạn. Chiến công thầm lặng của họ bất tử với năm tháng và lòng người.

- Phương Định cô gái Hà Nội xinh đẹp, dũng cảm trong lửa đạn, giàu tình yêu thương đồng đội, trong sáng, mộng mơ, thích làm duyên như cô thôn nữ ngày xưa soi mình xuống giếng làng vừa mỉm cười vừa vuốt tóc. Họ có mặt trên những trọng điểm của con đường Trường Sơn chiến lược và trái tim rực đỏ của họ của những người con gái Việt Nam anh hùng là *những ngôi sao xa xôi* mãi mãi lung linh, toả sáng.

**3. Kết luận**

"Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê đã làm sống lại trong lòng ta hình ảnh tuyệt đẹp về những chiến công phi thường của tổ trinh sát mặt đường, của Nho, Định, Thao, của hàng vạn cô thanh niên xung phong thời đánh Mĩ. Chiến công thầm lặng của Phương Định và đồng đội là bài ca anh hùng.

- Đọc "Những ngôi sao xa xôi" ta như được sống lại những năm tháng hào hùng của đất nước. Những Phương Định gần xa vẫn toả sáng hồn ta với bao ngưỡng mộ.

1. **Ôn tập Ngữ văn lớp 9**

**CẢM NHẬN BÀI THƠ "BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH - Phạm Tiến Duật**

“Xe ta quý ta yêu
Ôi chiếc xe đồng chí
Cùng ta lăn sớm chiều
Cùng ta đi đánh Mĩ.”
(“Bài ca lái xe đêm” – Tố Hữu)
Trong cuộc trường chinh chống Mĩ, để giải phóng quê hương, để giành lấy độc lập, để dành lại tự do cho dân tộc, người chiến sĩ giải phóng quân đã trở thành nhân vật tiêu biểu, hội tụ những gì cao đẹp nhất. Những chàng trai đó đã được nhân dân và thế giới khâm phục, ngưỡng mộ. Hình ảnh anh chiến sĩ hào hùng, sôi nổi, trẻ trung đã trở thành nguồn cảm hứng dạt dào, là đề tài bất tận, bất tận cho các nhà thơ, nhà văn sáng tác. Là một nhà thơ phục vụ trong quân đội, phục vụ trong binh đòan lái xe vận tải, trên con đường máu lửa Trường Sơn, Phạm Tiến Duật đã cảm nhận sâu sắc cuộc sống người chiến sĩ lái xe trên con đường lịch sử này. Ông đã sáng tác một bài thơ hay, một bài thơ độc đáo. Đó là “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”. Phân tích bài thơ, ta mới cảm nhận, hiểu biết đầy đủ hơn về người lính, đồng thời đó ta cũng sẽ thấy được nét đặc sắc về ngôn ngữ và giọng điệu bài thơ.
Trên con đường rừng Trường Sơn huyết mạch và nổi tiếng với tên gọi “đường mòn Hồ Chí Minh”, những chiếc xe thuộc đơn vị vận tải vẫn lao nhanh ra chiến trường tiếp viện. Những chiếc xe và chiến sĩ lái xe trở thành quen thuộc, đáng yêu. Nhà thơ viết về họ với phong cách tự nhiên thật độc đáo.
Nguồn cảm hứng của nhà thơ bắt nguồn từ hiện thực”chiếc xe không có kính” và càng bất ngờ hơn, gây ấn tượng mạnh mẽ hơn là là không chỉ có một chiếc xe thôi đâu mà là cả một “ tiểu đội xe không kính”. Hình ảnh những chiếc xe đó được nhấn mạnh trong câu thơ đầu tiên, một lời giới thiệu khá độc đáo, thân thương:
“Không có kính không phải vì xe không có kính”.
Câu thơ thoạt nghe như lời kể lể, giải bày. Với ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, giống như lời nói của người chiến sĩ giới thiệu chiếc xe yêu quý mà mình đang sử dụng. Xe vốn thường có kính và chiếc xe có kính là điều bình thường, không có gì đáng nói. Chi tiết tả thực không có kính mới gây sự chú ý, bất ngờ và là một thực tế có sức khơi gợi mạch thơ, có sức khơi gợi lòng người. Nếu vế đầu của câu thơ đó có tính chất phủ định thì ở vế sau của câu thơ lại nhằm khẳng định, nhấn mạnh”không phải vì xe không có kính”. À! Thì ra trước kia vẫn nguyên vẹn, lành lặn với các bộ phận đó chứ đâu phải xe mới ra đời là đã không có kính. Vậy tại sao lại có sự không bình thường ấy chứ? Vì sao cả một”tiểu đội xe không kính”? Nhà thơ bước vào tư thế, vị trí kiên cường của người chiến sĩ lái xe để trả lời:
“Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi”.
Thì ra cái lí do, cái nguyên nhân là vì chiến tranh mà ra cả. Chiến tranh phá hoại chiếc xe, làm cho chiếc xe tàn tạ, trở thành chiếc xe không mui, không đèn, không thể không xước đi, yếu dần. Điệp từ “bom” kết hợp với các động từ”giật”,”rung”đã tái hiện lại không khí, tính chất khốc liệt, gay go của cuộc chiến đấu giữa ta và giặc, phơi bày và tố cáo bản chất hung bạo, ngông cuồng của quân giặc.”Mưa bom bão đạn” của chúng dội xuống Trường Sơn thật là dữ dội, ác liệt. Bọn chúng định dùng sức mạnh với các vũ khí hiện đại để chặn đường tiếp tế, tiến công của ta, làm lung lay ý chí, tinh thần chiến đấu của người chiến sĩ. Sức ép của bom đạn khi nổ, những mảnh bom trúng vào chiến sĩ, trúng vào chiếc xe khiến cho chiếc xe bị trầy, khiến cho chiếc xe”kính vỡ đi rồi”.Lời thơ vẫn nhẹ nhàng thể hiện sự bình thản của người cầm lái. Đối lập với thực tế khó khăn, khắc nghiệt về điều kiện bởi những chiếc xe bị hư hại là thái độ của người chiến sĩ lái xe: ”Ung dung buồng lái ta ngồi”
Từ “ung dung” đặt trong phép đảo ngữ như đang diễn tả thái độ tự tin, bình tĩnh, không một chút nao núng, run sợ của người chiến sĩ. Bất chấp mọi trở ngại, gian khổ, mặc kệ những hiểm nguy, người lính vẫn vững vàng ngồi vào buồng lái để làm nhiệm vụ. Thái độ ấy xuất phát từ phẩm chất gan dạ, anh hùng và từ chiếc xe không kính, người chiến sĩ đã quan sát cảnh vật bên ngoài”Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.”
Câu thơ viết theo nhip hai-hai-hai thật cân đối. Nó thể hiện sự nhịp nhàng, thăng bằng của chiếc xe đang lăn bánh và nhất là thái độ tự tin, bình tĩnh của người cầm lái. Điệp ngữ“nhìn” đã nhấn mạnh, khắc sâu vẻ đẹp từ cach quan sát của người chiến sĩ. Một vẻ đẹp xuất phát từ tâm hồn, tấm lòng của anh. Cách nhìn chăm chú đó biểu lộ niềm yêu thương của anh với thiên nhiên và cuộc sống, sự quyết tâm vững vàng trong nhiệm vụ. Anh “nhìn đất”để thêm gắn bó, yêu thương con đường Trường Sơn hào hùng, thân thuộc để dẫn đưa chiếc xe đến chổ, nơi an tòan, mau mau đến đích. Anh”nhìn trời”để tâm hồn thêm lạc quan, bay bỗng, thêm tin tưởng vào tương lai. Anh”nhìn thẳng” là nhìn về phía trước, nhìn vào con đường trước mặt cần vượt qua, nhìn vào nhiệm vụ đầy gian khổ, khó khăn thử thách của mình để thêm cương quyết, tích cực mà sẵn sàng đối phó, đương đầu với bao hiểm nguy, gian khổ, khó khăn. Bởi thế, mặc cho bom đạn gào thét, anh vẫn cứ tiến lên. Anh chiến sĩ lái xe thật dũng cảm, hào hùng biết bao.
Chiếc xe của anh không còn bộ phận nào để che chắn nên giờ nay người chiến sĩ đã tiếp xúc trực tiếp với thế gới bên ngoài khi chiếc xe lao đi, lao đi mà không ngỏanh lại:
“Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim”
Cảm giác của người chiến sĩ về cơn gió là cảm giác trực diện. Anh không chỉ cảm thấy cơn gió vào “xoa mắt đắng” mà đã nhìn thấy cơn gió vô hình. Để làm giảm bớt vị đắng, sự khó chịu nơi con mắt bỡi những ngày đêm thức trắng để lái xe không nghỉ ngơi, anh đã cho chị gió xoa mắt đắng, xoa nó đi để rồi ngày mai anh đi tiếp, đi tiếp về tương lai. Cảm giác ấy càng phát triển mạnh mẽ khi anh “nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim. Sự liên tưởng ấy thật đẹp và thật độc đáo khi chiếc xe lao tới, con đường lúc ấy như chạy ngược về phía trước. Sự tin tưởng phù hợp với tấm lòng của người lái, đó là tấm lòng nhiệt tình, hăng say trong nhiệm vụ. Trái tim người chiến sĩ luôn luôn dạt dào tình yêu Tổ Quốc, quê hương mà đặc biệt là con đường thân thuộc, gần gũi, con đườnghứng chịu bao bom đạn máu lửa. Chiếc xe vẫn cứ lao nhanh, lao xa đi mãi, tiến lên phía trước vì người lính biết rõ mục đích, lí tưởng công việc cao cả của mình là cống hiến, hoạt độn vì ai, để làm gì?
“Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái”
Cuộc chiến ấy thật hiểm nguy, thử thách nhưng tâm hồn người chiến sĩ luôn lãng mạn, bay bỗng khi anh quan sát từ chiếc xe không kính để thấy”sao trời, cánh chim”. Có lẽ, tâm hồn anh phải hân hoan, phơi phới yêu đời nên mới có được cảm nhận”…mhư sa, như ùa vào buồng lái.”. Nếu điệp ngữ ”nhìn thấy” diễn tả thái độ quan sát chủ động của người chiến sĩ đối với cảnh vật thì động từ “thấy” lại nhấn mạnh đến sự xuất hiện bất ngờ, mau lẹ, “đột ngột” của cánh chim đêm. Cách nhìn ấy thật là tinh tế! Một ánh sao, một cánh chim lạc đàn cũng làm anh chú ý, quan tâm và xao xuyến. Nhịp thơ trở nên nhanh gấp, sôi nổi thể hiện tâm hồn yêu đời, yêu thiên nhiên, sự lạc quan của người chiến sĩ giải phóng quân thời chống Mĩ. Như một bài ca đã từng viết:
“Cuộc đời vẫn đẹp sao
Tình yêu vẫn đẹp sao
Dù đạn bom man rợ thét gào
Dù thân thể thiên nhiên mang đầy thương tích.”
Đối với người chiến sĩ lái xe, chiếc xe “không kính” đem lại những cảm giác khi lao đi trên đời vắng. Nhưng đó cũng là nguyên nhân gây ra hậu quả:
“Không có kính, ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già.”
Khổ thơ bắt đầu bằng cấu trúc lặp lại “không có kính” như muốn nhấn mạnh phác họa rõ vẻ lạ lùng, độc đáo của chiếc xe và là lí do khiến xe “có bụi”.
Mất đi bộ phận chắn che, người lái và chiếc xe như đi giữa bụi đất. Điệp từ “bụi” và động từ “phun” diễn tả, nhấn mạnh mức độ ghê gớm đến đáng sợ của bụi:bụi bay, bụi cuốn mù mịt cả không gian, cả đất trời trong mỗi lần xe chạy và kéo dài suốt cả chặng đường dài. Trong bài thơ Lá Đỏ, nhà thơ Nguyễn Đình Thi cũng đã cảm nhận về cơn bụi nơi đây, nó vội vã như người lính, ngöôøi chiến binh hào huøng:
“Đòan quân vẫn đi vội vã
Bụi Trường Sơn nhòa trong trời lửa.”
Những cơn bụi đó qua khung kính vỡ đã ùa vào buồng lái, phủ đầy tóc tai, đầy khuôn người lính biến thành hình tượng ngộ nghĩnh, đáng yêu qua cách so sánh của nhà thơ “tóc trắng như người già”. Phải chăng đây chính là “những con quỷ mắt đen” như Lê Minh Khuê đã diển tả về các cô thanh niên xung phong trên cao điểm Trường Sơn? Anh chiến sĩ đôi mươi kia, trẻ trung, sôi động giờ đây đã được “hóa trang” thành một con người khác, già đi gấp bội bởi lớp bụi dày bám lên tóc. Cái gian khổ của anh chiến sĩ lái xe được diễn tả lại sao mà nhẹ nhàng đến thế. Họ không kêu ca, than vãn mà lại lấy chính cái gian khổ của mình để tự động viên mình bằng cách khôi hài nữa ấy chứ.
“Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.”
Nếu từ ngữ “ừ thì” thể hiện sự chấp nhận, chịu đựng những cơn “mưa bụi nhiệm màu” thì thái độ “chưa cần rửa” lại là sự thách thức, bất chấp, xem thường mọi gian khoå. Gian khổ này dường như không tác động ñeán ý chí, quyết tâm của anh. Người chiến sĩ xem đó là dịp để rèn luyện ý chí, sức mạnh của mình.
Và thêm một chặng đường là thêm hàng triệu khó khăn chồng chất. Đòan xe phải gặp những trận mưa rừng, gặp gió bụi Trường Sơn. Thật là khủng khiếp bởi lẽ:
“Trường Sơn đông nắng tây mưa
Ai chưa đến đó như rõ mình.”
Khi xe không có mui xe che chắn thì thực tế sẽ ra sao? Những hạt mưa rừng như những nhát chổi quất vào mặt người lính, khó khăm biết bao cho cuộc lái xe! Thế là người lính nếm đủ mùi gian khổ mà thái độ thì vẫn ngang tàng, phơi phới, lạc quan:
“Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi”
Với cấu trúc được lặp lại “không có kính”,”ừ thì”và ngôn ngữ bình dị, giọng điệu ngang tàng lại một lần nữa thể hiện thái độ bất chấp của người lính. Chiếc xe không kính ấy đi vào mùa nào, thời tiết nào cũng đều gian khổ cả. Điệp ngữ “mưa” kết hợp với những từ gợi tả thật đẹp “tuôn, xối” gợi lên những cơn mưa thật dữ dội, khiến người lính lái xe bị “ướt áo”. Thái độ của người lính của người lính được thể hiện dứt khoát “chưa cần thay “. Họ mặc kệ cái ướt át, lạnh giá để tiếp tục nhiệm vụ “lái trăm cây số nữa”.Lời nói thật giản dị, đơn sơ nhưng thể hiện quyết tâm lớn của người chiến sĩ: xe phải đến tới đích , ý thức trách nhiệm, đóng góp cho cuộc chiến của họ thật đẹp, thật đáng quý biết bao! Họ lái xe cho đến khi “mưa ngừng” và trong suy nghĩ của họ cũng thật, bình dị:
“Mưa ngừng, gió lùa thô mau thôi.”
Rõ rằng người lính đã quên mình vì nhiệm vụ và với ý thức tự nguyện đây. Tâm hồn của người chiến sĩ sôi nổi, yêu đời da diết.
Bản chất của người lính lái xe là đi, nhưng phải có lúc họ phải dừng lại trú quân:
“Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội.”
Câu thơ miêu tả cuộc gặp gỡ vui vầy trong không khí đòan kết, gắn bó, chia sẻ ngọt bùi sau những trân chiến ác liệt, căng thẳng:
“Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.”
Chiếc xe không kính kia phải có lúc ngừng chạy. Đó là khi chúng hòan thành xong nhiệm vụ. Ta bắt gặp được một nét đẹp khác nơi họ. Đó chính là tình đồng đội, đồng chí của những anh lính lái xe. Khác hăn so với hình ảnh của những anh vệ quốc quân với một nụ cười hòan tòan “buốt giá”, không biết bao giờ mình mới trở lại được quê hương. Còn anh giải phóng quân giữa chiến trường ác liệt, họ cũng không cảm thấy buồn chán, vì quanh họ còn có biết đồng đội gần gũi, yêu thương. Trong cuộc hành trình vất vả đó họ đã “gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới”, đem đến cho họ sự vui tươi, than ái. Từ “họp, gặp” diển tả những cuộc hội ngộ của những người lính trẻ trung, cùng chí hướng thì hình ảnh “bắt tay nhau” thật đẹp đẽ, biểu hiện sự đồng cảm, thân ái, yêu thương của những người chiến sĩ.
Tình đồng chí, đồng đội của anh lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn càng thắm thiết, cảm động hơn khi họ cùng chia sẻ với nhau một bữa cơm dã chiến:
“Bếp Hòang Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi trời xanh thêm.
Họ đã chiến đấu, công tác trên con đường Trường Sơn khi cần nghỉ ngơi họ lại lấy con đường than yêu ấy làm nhà. Họ trò chuyện, cười đùa với nhau thật thoải mái, than mật. Họ dựng bếp Hòang Cầm giữa trời, “võng mắc chông chênh”sau những giờ phút căng thăng giữa chiến trường. Hai hình ảnh “Bếp Hòang Cầm” và “võng mắc chông chênh” là hai nét vẽ hiện thực làm sống lại hiện thực chiến trường. Các anh vừa nấu cơm vừa chợp mắt trên cái “võng mắc chông chênh”. Bữa cơm chiến trường đơn sơ, giản dị thế mà vẫn rộn lên niềm vui tình đồng đội:
“Thương nhau chia củ sắn lùi
Bát cơm xẻ nửa, chăn xui đắp cùng”
(Tố Hữu)
Để rồi từ đây, cái định nghĩa về gia đình của các anh chiến sĩ mới ngộ nghĩnh làm sao!
“Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”
Một gia đình vui tươi, trẻ trung gồm những người lính trẻ đã hình thành khi “chung bát đũa”. Nhưng chỉ trong một thóang chốc để rồi sau đó người chiến sĩ lại tiếp tục hành quân:
“Lại đi, lại đi trời xanh thêm.”
Điệp ngữ “lại đi” đã diễn tả một công việc quen thuộc của người lính nhưng đồng thời cũng biểu lộ nhiệt tình, khí thế khẩn trương sôi nổi của họ. Trước mắt họ, “trời xanh thêm” như báo hiệu một ngày công tác, chiến đấu, nhưng lại phù hợp với tâm hồn trẻ trung, yêu đời của người lính cũng như niềm lạc quan, tin tưởng của họ vào tương lai, vào cuộc sống.
Vẫn một giọng thơ mộc mạc, gần với lời nói thường ngày như văn xuôi, nhưng nhạc điệu, hình ảnh trong khổ thơ cuối rất đẹp, rất thơ góp phần hòan thiện bức chân dung tuyệt vời của người lính lái xe quân sự trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm đánh Mĩ. Bốn dòng thơ dựng lại hai hình ảnh rất thú vị, bất ngờ:
“Không có kính, rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.”

Khổ thơ cuối vốn là ngôn ngữ giản dị, đơn sơ. Điệp ngữ “không có” như nhấn mạnh, làm rõ những khó khăn, trở ngại dồn dập, liên tiếp. Khi những bộ phận cần thiết của của chiếc xe đã bị bom đạn làm hư hại. Cài “không có” là kính, la đèn, là mui xe, còn cái “có” lại là “thùng xe có xước”. Thế mà người chiến sĩ vẫn tiếp tục điều khiển cho xe chạy. “Xe vẫn chạy” chứ không chịu ngừng nghỉ, nằm yên. Điều gì đã thôi thúc người chiến sĩ tận tụy, quên mình nhiệm vụ, coi thường những gian khổ, khó khăn?

Tất cả là bởi một mục đích, mợt lí tưởng cao cả “vì miền Nam phía trước”. Lòng yêu nước nồng nàn, ý thức căm thù giặc cao độ đã giúp cho người chiến sĩ sẵn sàng quên mình vì nhiệm vụ. Ước mong cao đẹp nhất là mong muốn giành được độc lập, tự do cho “Tổ Quốc”, mang lại hòa bình độc lập cho quê hương. Cội nguồn sức mạnh của người chiến sĩ lái xe, sự dũng cảm kiên cường của người chiến sĩ được diễn tả thật bất ngờ, sâu sắc:
“Chỉ cần trong xe có một trái tim.”

Thì ra “ trái tim” cháy bỏng tình yêu thương Tổ Quốc đồng bào miền Nam ruột thịt đã khích lệ, động viên người chiến sĩ vượt qua bao gian khó, luôn bình tĩnh, tự tin để cầm chắc tay lái đưa xe đi tới đích. Hình ảnh bất ngờ ở câu cuối đã lí giải được tất cả mọi vấn đề. Câu thơ bình dị như lời nói hằng ngày nhưng lại ẩn chứa một ý tượng sâu sắc về một chân lí thời đại. Sức mạnh để chiến thắng không phải vũ khí hiện đại, phương tiện tối tân, đầy đủ tiện nghi mà chính là con người với trái tim nồng nàn yêu thương đất nước nhân dân, sôi sục long căm thù quân giặc. Ý chí bất khuất kiên cường ấy giúp cho con người lướt thẳng mọi trở ngại, khó khăn.
“Bài thơ về tiểu đội xe không kính” là một bài thơ hay, đặc sắc của Phạm Tiến Duật. Chẳng ngẫu nhiên mà nhà thơ đã đặt tên cho tác phẩm là “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”. Chất thơ tỏa ra từ thực tế của cuộc chiến đấu, từ niềm vui của người chiến sĩ trong thời đại chống Mĩ. Chất thơ tóat ra từ sự giản dị, đơn sơ của ngôn từ, sự sáng tạo bất ngờ của các chi tiết, hình ảnh anh lính Cụ Hồ.
Ra đời gần ba mươi năm, bài thơ vẫn có sức truyền cảm mạnh mẽ đối người chúng ta ngày hôm nay. Cám ơn nhà thơ đã giúp tất cả chúng ta cảm nhận sâu sắc về hình ảnh người lính lái xe một thơì gian khổ mà hào hùng, đã quên mình vì quê hương, đất nước. Chúng ta là thế hệ mai sau sẽ sống tiếp nối với truyền thống hào hùng của ông cha xưa kia và để hòan thành nhiệm vụ hôm nay. Chúng ta hãy tự hào về họ, những người chiến sĩ Trường Sơn:
“Ôi đất anh hùng dễ mấy mươi
Chìm trong khói lửa vẫn xanh tươi
Mưa bom bão đạn lòng thanh thản
Nhạt muối vơi cơm miệng vẫn cười.”
(Tố Hữu)

**PHÂN TÍCH NHÂN VẬT PHƯƠNG ĐỊNH TRONG "NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI" CỦA LÊ MINH KHUÊ**

Truyền thuyết kể rằng ngày xưa hoa hồng chỉ toàn một màu trắng tinh. Từ khi thần Mặt Trời và nữ thần Mặt Trăng ban cho hoa hồng sắc đỏ chói của mặt trời và sắc vàng êm dịu của mặt trăng, hoa mới có nhiều màu sắc rực rỡ. Hoa hồng và phụ nữ! Biểu tượng của cái đẹp, nơi mọi tinh túy của đất trời đồng lòng hội tụ. Viết về vẻ đẹp người phụ nữ, sao tôi cứ ám ảnh mãi với “đóa hoa” thanh khiết nở giữa núi rừng Trường Sơn trong tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi” của nữ nhà văn Lê Minh Khuê, mà nổi bật là Phương Định- cô gái thuần túy chất Việt của muôn đời.

“Những ngôi sao xa xôi” là một trong những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, sáng tác năm 1971, là thời điểm mà cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đang bước vào thời kì khốc liệt nhất. Bản thân là một nữ thanh niên xung phong dày dặn trong mưa bom bão đạn, tác giả đã viết truyện ngắn này như một bài ca ca ngợi vẻ đẹp của nhân vật nói riêng, của cả một thế hệ thanh niên xung phong thời kháng chiến chống Mỹ nói chung.

Phương Định xuất thân là một cô gái Hà Thành chính thống. Bởi vậy, điều đầu tiên cuốn hút ở độc giả chính là nét trẻ trung, hồn nhiên, trong sáng và đầy mơ mộng như một đóa hàm tiếu giữa núi rừng kháng chiến. Cũng như biết bao chàng trai, cô gái tuổi đôi mươi để lại sau lưng kỉ niệm đẹp thời cắp sách, Phương Định đã quyết định dấn thân nơi bom đạn với một niềm tin yêu phơi phới. Cô gái trẻ tự tin xếp ngoại hình của mình vào loại “khá”. Đó không phải biểu hiện của tính tự phụ. Thay vào đó là sự tự tin, bản lĩnh, đầy sức sống của một tâm hồn mới lớn. Sở dĩ tôi ví Phương Định như một đóa hoa tươi trẻ là bởi cô có “hai bím tóc dày tương đối mềm, cái cổ cao kiểu hãnh như đài hoa loa kèn”. Đôi mắt cô đẹp đến nỗi các đồng nghiệp nam mỗi lần nhìn vào đều ngây ngất mà nhận xét rằng: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm…”. Nét đẹp ấy xét vào thời buổi hôm nay vốn đã rất đáng trân trọng. Lại ở vào cái không khí “Hịch tướng sĩ” thời chống Mỹ khốc liệt xưa, ta càng thêm nâng niu biết nhường nào.

Cô gái trẻ chẳng những “tốt nước sơn” mà còn “tốt gỗ”. Phương Định tiềm ẩn trong mình nét cá tính vô cùng ấn tượng: thích ngắm mình trong gương, thích làm duyên, cũng hay tỏ ra kiêu kì trước những anh lính trẻ. Vẻ đẹp ấy đủ để làm say lòng bao trái tim đến nỗi “không hiểu sao các anh pháo thủ và các anh lính lái xe lại hay hỏi thăm tôi”. Có thể nói, đó là nét tính cách tiêu biểu cho mọi thế hệ hệ thời chống mỹ bấy giờ, ra đi cứu nước và mang theo một tâm hồn lãng mạn hết sức trong ngần. Lại nhớ đến nhân vật Chiến trong tác phẩm “Những đứa con trong gia đình” của nhà văn Nguyễn Thi. Nếu Phương Đinh thích soi gương thì chị Chiến khi ra trận cũng không quên mang theo một chiếc gương. Mạnh mẽ, dũng cảm nhưng cũng vô cùng nữ tính.

Chiến tranh bao giờ cũng khốc liệt tiếng bom. Nhưng chiến tranh trong văn Lê Minh Khuê còn có cả tiếng hát, tiếng hát của Phương Định. Chị thích hát, nghêu ngao suốt cả ngày với những bản nhạc không đầu không cuối. Chính tâm hồn yêu đời đã mang đến cái bình thản cho cô gái trẻ giữa chiến trường đầy ác liệt. Tác giả đã đặt cái lãng mạn, cái hồn nhiên bên trong cái tàn khốc, chết chóc. Tiếng hát át tiếng bom. “Sự sống nảy sinh từ cái chết. Hạnh phúc hiện hình từ những hi sinh, gian khổ” (Nguyễn Khải). Đó phải chăng là thông điệp ý nghĩa mà nhà văn mang đến cho độc giả?

Mang trong mình vẻ lãng mạn vốn có của tuổi trẻ, Phương Định đã xua tan đi từng giọt “mồ hôi trên trán anh vàng nghệ”, xua đi cái khét lẹt của bom đạn kẻ thù. Ở đây ta thấy luôn nồng lên hơi ấm của tiếng cười, tiếng hát. Và chiến trường vì thế cũng gần với hai chứ “gia đình” hơn bất cứ khi nào.
Lãng mạn là thế nhưng bên cạnh đó, ta còn bắt gặp một Phương Định quả cảm, gan dạ, bất chấp mọi khó khăn, sẵn sàng đối diện với gin khổ và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Theo sát mạch truyện, qua lời kể theo ngôi thứ nhất là nhân vật trung tâm, người đọc như được chứng kiến tận mắt hoàn cảnh sống của Phương Định và những người đồng đội. Họ sống dưới chân một hang cao điểm. Cuộc sống lại vô cùng thiếu thốn nhưng các cô luôn ngày đêm bám sát tuyến đường, đảm bảo tuyệt đối , giữ gìn mạch máu giao thông. Phương Định và đồng đội được giao nhiệm vụ “khi có bom nổ thì chạy lên. đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”. Công việc vô cùng gần kề với cái chết, đòi hỏi sự dũng cảm và bản lĩnh cao độ. Với riêng Phương Định và đồng đội, đó đã trở thành công việc thường nhật: “Quên rồi, ngày phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: Ba lần”.
Từ khung cảnh và không khí chứa đầy sự căng thẳng: “Đất bốc khói, không khí chứa đầy sự căng thẳng, máy bay đang ầm ì”, lúc nào cũng phải “thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp nhịp điệu”, ta mới thấu rõ nỗi khó khăn của thời bom đạn, cũng là tinh thần thép của thời đại bấy giờ. Qua ngòi bút miêu tả diễn biến tâm lý sắc sảo, nhà văn đã tái hiện thành công nét thông minh gan dạ của người con gái anh hùng. Trước một quả bom chưa nổ “một đầu vùi xuống đất, đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng”, quả bom chưa nổ và cố nhiên, nó có thể nổ bất cứ lúc nào. Kề bên nanh vuốt của cái chết, im lìm và bất ngờ, từng hành động của con người cũng trở nên sắc nhọn hơn. Cô đã kịp thời chấn tĩnh, từng hành động diễn ra mau lẹ và chính xác. “Lưỡi dao chạm vào quả bom, một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt”. Nhà văn thật sắc sảo khi tái hiện cảm nhận đầy mong manh, tinh tế của nhân vật. Tiếng động “sắc đến gai người” ấy phải là cả một quá trình nhập thân vào nhân vật mới có thể miêu tả thật hơn cả đời thực đến vậy.

Mọi nỗ lực dường như đã được đền đáp xứng đáng. Tất cả đã trở về an toàn nhưng cái không khí ghê người trước không khí căng thẳng của bom đạn thì như vẫn còn nguyên trong tâm khảm độc giả. Điều khiến chúng ta xúc động ở chỗ dù trong bất cứ hoàn cảnh nào đang cận kề với cái chết, phẩm chất của những người lính Cụ Hồ càng được tôi luyện vững vàng. Đúng như cái tinh thần “Sát Thát” của thời Trần, cái tinh thần “trên trời có mày, dưới đất có mày, trong rừng chỉ có mình tao, tao cũng bắn được mày” của thời Mỹ (câu nói của Nguyễn Thi), nay lại được gửi gắm cả trong tâm hồn mong manh của một cô gái tưởng như yếu đuối. Họ chính là những bức tượng đài huyền thoại của lịch sử hào hùng dân tộc.
Đoạn văn tả cảnh phá bom có thể nói là đoạn văn xuất sắc nhất của toàn bộ thiên truyện. Lê Minh Khuê đã vận dụng tài tình bút pháp tả thực để tái hiện thành công cái không khí đầy chết chóc của chiến tranh. Đồng thời đó cũng là bài ca ca ngợi tinh thần quả cảm của con người trong cuộc chiến trường kì của dân tộc mà tiêu biểu là người con gái Phương Định mang trong mình khí phách anh hùng thời đại. Cùng với hình ảnh mười nữ thanh niên xung phong ngã ba Đồng Lộc, nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ đã dành cho họ những lời ca trân trọng nhất:

“Em nằm dưới đất sâu
Như khoảng trời nằm yên trong đất
Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng
Những vì sao ngời chói lung linh”
(Khoảng trời và hố bom)

Đúng như vậy, họ chính là những người con gái Việt Nam anh hùng, những ngôi sao sáng nhất mãi mãi nằm trong trái tim chúng ta.

Trong chiến đấu, Phương Định đẹp là vậy. Trong cuộc sống đời thường, cô cũng chan chứa trong mình một “cốt tủy chung tình bên trong”(Nguyễn Tuân). Đó là một trái tim giàu lòng thương yêu, nghĩa tình, quan tâm hết mực đến đồng đội.
Qua từng cử chỉ việc làm của nhân vật, nhất là những khi em Nho bị thương, ta càng thêm xúc động trước cô gái trẻ. Trong khi Thao chỉ biết ôm mặt khóc thì Phương Định đã bình tĩnh, kịp thời bế Nho vào hầm trú ẩn, rửa và băng bó vết thương cho đồng đội, pha sữa, lục tìm đến chiếc kẹo cuối cùng và hát cho Nho nghe. Đối với Định, nơi đây đã trở thành gia đình thứ hai của mình, cả Nho, cả Thao đều thân thiết và quan trọng như những chị em ruột. Vậy nên đối với cô mà nói, đồng đội bị thương, chính bản thân cô cũng đau gấp bội phần. Chưa bao giờ tình yêu thương và tấm lòng “lá lành đùm lá rách” lại cao đẹp như lúc này.

Xa gia đình, xa người thân, tình cảm đồng chí đồng đội còn tiếp thêm tinh thần và sức mạnh cho họ cùng nhau bước qua gian khổ và những thách thức của cuộc kháng chiến. Không chỉ với Nho, tình yêu của Phương Định còn dành cho cả các anh lính cùng chiến khu, Cứ mỗi lần bom nổ, chị lại nghĩ đến các anh, lo lắng cho các anh. Tình thương ấy nhiều khi chuyển hóa thành lòng khâm phục và sự ngưỡng mộ: hình ảnh đẹp nhất chính là “những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ”. Những con người “tự phương trời chẳng hẹn quen nhau” (Chính Hữu) nay đã chuyển hóa thành tình đồng đội, đồng chí keo sơn, thắm thiết. Thật quý giá biết nhường nào.
Để làm nổi bật Phương Định, truyện ngắn đã đạt được những thành tựu đáng kể. Ngôi kể ngôi thứ nhất giúp cho câu chuyện hiện lên đầy chân thực qua cái nhìn trải nghiệm của nữ thanh niên xung phong. Nghệ thuật miêu tả nội tâm, tâm lỹ một cách tài tình, bộc lộ tính cách nhân vật rõ nét. Từ đó, ta như hiểu thêm nhiều hơn về tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mỹ: Họ đã sống, đã cống hiến, đã hy sinh thầm lặng cả thanh xuân và cuộc đời mình cho độc lập tự do của Tổ quốc. Chính họ đã nối liền mạch máu giao thông, chi viện cho chiến trường miền Nam chống Mỹ dưới tinh thần “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Cũng chính họ đã làm cho “đường ra trận mùa nay đẹp lắm”, ít nhất là đẹp hơn trong mắt bao độc giả thế hệ hôm nay.

Chiến tranh đã qua đi nhưng vẫn còn đó một con đường Trường Sơn sừng sững, thấp thoáng bức chân dung chân thực về hình ảnh nữ thanh niên xung phong thời chống Mỹ. Hình ảnh của họ, đặc biệt là hình ảnh Phương Định mãi mãi là niềm tự hào vô bờ của thế hệ trẻ hôm nay, nhắc chúng ta hãy sống sao cho xứng đáng nhất với thế hệ đi trước,“những con người đi tới. Hai cánh tay như hai cánh bay lên. Ngực dám đón những phong ba dữ dội. Chân đạp bùn không sợ các loài sên..” (Tố Hữu)

**Suy nghĩ của em về những đặc sắc trong bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương.**

HƯỚNG DẪN
I. Mở bài
Nhà thơ Viễn Phương là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời kì chống Mĩ cứu nước. Thơ Viễn Phương thường dung dị, giàu tình cảm, chan chứa tình yêu quê hương đất nước. Phong cách đó thể hiện rất rõ qua các tập thơ: “Mắt sáng học trò”, “Nhớ lời di chúc”, “Như mấy mùa xuân”… Bài thơ “Viếng lăng Bác” trích trong tập “Như mấy mùa xuân” là một tác phẩm đặc sắc cả về nội dung và nghệ thuật.
II. Thân bài
1. Khái quát: Bài thơ được viết năm 1976 khi đất nước thống nhất, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh hoàn thành, đồng bào miền Nam có thể thực hiện ước nguyện của mình: vào lăng viếng Bác. Thể thơ 8 chữ, mạch cảm xúc đi theo trình tự không gian: khi tác giả đứng trước lăng, vào lăng viếng Người. Bài thơ diễn tả niềm kính yêu, sự xót xa và lòng biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với vị lãnh tụ bằng cảm xúc chân thành, thiết tha, sâu lắng.
2. Nội dung chính:
a. Khổ thơ 1:
Tình cảm của nhân dân Việt Nam đối với Bác Hồ có hai mạch cảm xúc: Tình cảm lãnh tụ - quần chúng thiêng liêng, cao cả và tình cảm cha - con thân thiết, xúc động. Bài thơ được khai thác theo mạch cảm xúc thứ hai.
Mở đầu bài thơ, tác giả viết:
Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác.
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi!hàng tre xanh xanh Việt Nam .
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng .
Đoạn thơ mở đầu thiêng liêng thành kính nhưng vẫn gợi một không khí ấm áp gần gũi. Nhà thơ xưng "con", lời thơ như lời nói thường thể hiện tình cảm của người con lâu ngày về thăm cha. Người con ấy lại từ miền Nam ra, thật xúc động biết bao! “Con ở miền Nam” mấy tiếng ấy bao hàm một nỗi đau và một niềm tự hào. Miền Nam thành đồng Tổ quốc, Miền Nam gian khổ anh hùng, miền Nam đi trước về sau, vừa chiến thắng kẻ thù hung bạo để trở về với đại gia đình Việt Nam. Nhưng Bác ơi, miền Nam lại chịu nỗi đau mất Bác, nỗi đau không từng được đón bước chân Bác sau ngày giải phóng. Miền Nam luôn ở trong trái tim Người. Lúc còn sống, Bác luôn nhớ tới miền Nam:
Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác nỗi mong cha
(Tố Hữu)
Trong niềm xúc động bồi hồi, nhà thơ thầm giới thiệu:
Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Không nói ra “viếng” mà là ra “thăm”, như con về thăm cha, thăm nơi Bác nghỉ . Sử dụng từ giảm nhẹ sắc thái biểu cảm. Nỗi đau như cố dấu mà giọng thơ vẫn chan chứa ngậm ngùi. Đứng trước lăng Bác, điều đầu tiên nhà thơ quan sát thấy:
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Hình ảnh "hàng tre" mang tính tả thực. Trước lăng Bác, trồng hai hàng tre xanh tươi, ngày ngày đứng vi vu trong gió như một bản nhạc êm đềm ru cho giấc ngủ của Người. Hình ảnh hàng tre trong sương sớm, trải dài, bát ngát một màu xanh, khiến cho lăng Bác trang nghiêm bỗng trở nên thân thuộc, gần gũi như xóm làng Việt Nam:
Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng
Từ hàng tre tả thực đến đây được nâng lên thành biểu tượng hàng tre Việt Nam, cây tre Việt Nam. Cây tre gần gũi, thân thuộc trong đời sống con người Việt Nam: đũa tre, rỗ tre, tăm tre, giường tre, nhà tre... Tre còn trở thành vũ khí: chông tre, tên tre... Tre dẻo dai, tre mọc thành hàng, thành lũy có thể chống chọi với "bão táp mưa sa". Tre đi vào văn học biểu tượng cho phẩm chất con người Việt Nam:
Tre xanh xanh tự bao giờ
Tự ngày xưa đã có bờ tre xanh
Thân gầy guộc lá mong manh
Mà sao nên lũy nên thành tre ơi
Ở đâu tre cũng xanh tươi bạc màu
(Nguyễn Duy)
Hình ảnh hàng tre “đứng thẳng hàng” trong “bão táp mưa sa” đã trở thành biểu tượng cho sức sống bền bỉ, kiên cường, không bao giờ chịu khuất phục của nhân dân Việt Nam và Bác chính là cây tre Việt Nam dẻo dai nhất.
b. Khổ thơ 2:
Hình ảnh đó như khúc dạo đầu mở ra một loạt những suy tưởng mênh mông, sâu lắng:
Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.
Điệp từ "ngày ngày" chỉ sự liên tục của thời gian, không gian không dứt và chỉ hai hiện tượng khác nhau: một của thiên nhiên, một của đời sống.
"Mặt trời đi qua trên lăng" là hình ảnh tả thực mặt trời của thiên nhiên. "Mặt trời trong lăng rất đỏ" là hình ảnh ẩn dụ biểu tượng cho Bác Hồ (Nhà thơ so sánh Bác như mặt trời). Mặt trời thiên nhiên đem lại ánh sáng và sự sống. Còn mặt trời Bác cũng là ánh sáng soi đường đem lại cuộc sống hạnh phúc, ấm no. Mặt trời Bác toả sáng, ấm áp, sóng đôi và trường tồn cùng mặt trời thiên nhiên là một so sánh không mới. Văn học đã từng viết:
Bác Hồ là vị cha chung
Là sao Bắc đẩu, là vầng thái dương
Cái mới nằm ở chỗ "mặt trời" (Bác Hồ) đã nằm "trong lăng' (đã khuất) nhưng "rất đỏ", bất tử cùng với mặt trời của thiên nhiên, vũ trụ. Cách nói ấy vừa ca ngợi sự vĩ đại, bất tử của Bác vừa thể hiện sự tôn kính, ngưỡng mộ và lòng biết ơn vô hạn đối với Người. Dù Bác đã đi xa nhưng Bác luôn sống trong lòng của nhân dân Việt Nam muôn thế hệ. Tất cả tình cảm đó dệt thành ý thơ tuyệt đẹp:
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.
Điệp ngữ “ngày ngày” và hình ảnh “dòng người đi trong thương nhớ” vừa gợi ấn tượng về cõi trường sinh vĩnh viễn vừa gợi tấm lòng nhân dân không nguôi nhớ Bác. Tình cảm đó kết thành tràng hoa đẹp dâng lên "bảy mươi chín mùa xuân" của Người. Sự liên tưởng này rất hợp lí và thú vị! Dưới ánh sáng mặt trời (Bác Hồ), cuộc đời mỗi con người Việt Nam đã nở hoa hạnh phúc. Những bông hoa ấy hôm nay đang kết lại thành những tràng hoa để dâng Người. Nhịp thơ chậm rãi, dàn trải, cấu trúc câu và từ ngữ được lặp lại gợi liên tưởng đến những bước đi chầm chậm của dòng người vào lăng viếng Bác trong không khí thiêng liêng, thành kính và niềm cảm xúc thiết tha.
c. Khổ thơ 3:
Đứng trước di hài Bác, bao tình cảm ấp ủ bấy lâu bỗng trào dâng thổn thức :
Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim.
“Vầng trăng” , “trời xanh” là hai hình ảnh kỳ vĩ của thiên nhiên gợi suy ngẫm về cái cao cả, vĩ đại, bất diệt, trường tồn. Nhắc đến trăng, ta chợt nhớ Bác yêu trăng biết bao! Trăng từng đến với Bác giữa chốn tù đày:
Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ
Trăng đến giữa “cảnh khuya” ở núi rừng Việt Bắc:
Tiếng suối trong như tiếng hát xa
Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa
(Cảnh khuya)
Rằm xuân lồng lộng trăng soi
Sông xuân nước lẫn màu trời thêm xuân
(Rằm tháng giêng)
Bác nằm trong lăng giữa một vùng ánh sáng nhè nhẹ, dịu hiền gợi cho nhà thơ sự liên tưởng thú vị ấy. Trăng với Bác từng là đôi bạn tri âm tri kỉ, giờ đây trăng đến để ru giấc ngủ ngàn thu cho Người. Hình ảnh “vầng trăng sáng dịu hiền” còn gợi liên tưởng đến tâm hồn dịu hiền, ấm áp, bao la của Người. Bác vẫn còn mãi với non sông, Người đã hoá thân vào thiên nhiên, đất nước. Sự nghiệp của người là bất tử. Dù tin như vậy nhưng trái tim vẫn nhói đau khi nghĩ rằng Bác không còn nữa. Nỗi đau được biểu hiện cụ thể, trực tiếp dâng lên từ con tim "nhói" vào da thịt “mà sao nghe nhói ở trong tim!”. Đó là nỗi đau, là niềm thương vô hạn của đứa con về muộn bên di hài người cha yêu kính.
d. Khổ thơ cuối:
Đang đứng trong lăng Người mà nhà thơ đã nghĩ đến giây phút chia xa, cảm xúc thương nhớ trào dâng:
Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Câu thơ không chải chuốt mà đầy xúc động. Dẫu không muốn nhưng không thể tránh được giây phút chia xa ấy. Không thể tránh được nên nhà thơ ước nguyện:
Muốn làm con chim ca hót quanh lăng
Muốn làm bông hoa hương tỏa đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này
Ước nguyện được hoá thân thành con chim, đoá hoa, cây tre để canh giữ, điểm tô cho nơi vị lãnh tụ kính yêu yên nghỉ. Hoa và hương là biểu tượng cho cái đẹp. Hình ảnh cây tre ở đầu bài thơ được lặp lại nhưng có sự khác nhau. Ở đầu bài thơ là cây tre khách thể, nhà thơ quan sát thấy. Cuối bài, cây tre đã nhập vào chủ thể, tác giả "muốn làm cây tre trung hiếu" để được đứng mãi bên lăng Người, để xứng đáng với Người. Hình ảnh này tạo ấn tượng đậm nét thể hiện lòng kính yêu và lòng biết ơn vô hạn đối với Bác. Điệp ngữ “muốn làm”, cấu trúc câu được lặp lại tạo thành nốt nhạc dồn dập, tha thiết diễn tả tình cảm, khát vọng trào dâng mãnh liệt. Bài thơ tưởng khép lại trong sự xa cách về không gian nhưng lại tạo được sự gần gũi trong tình cảm, ý chí . Như vậy bước chân ra đi nhưng tấm lòng của người con miền Nam thì ở lại. Tiếng lòng đó, ước nguyện đó không chỉ là của riêng tác giả mà đã trở thành tiếng lòng chung của nhiều người .
3. Tổng kết nghệ thuật: Thể thơ tám chữ, nhịp điệu chậm rãi, khoan thai. Hình ảnh thơ sáng tạo, vừa cụ thể, xác thực vừa giàu ý nghĩa biểu tượng. Giọng điệu vừa trang nghiêm, sâu lắng vừa xót xa, tha thiết lại chan chứa niềm tin và lòng tự hào, thể hiện đúng những tâm trạng bộn bề của bao người khi vào lăng viếng Bác.
III. Kết bài
“Viếng lăng Bác” là bài thơ giàu chất suy tưởng, chất trữ tình đằm thắm, với cách sử dụng nhiều luyến láy ngôn ngữ, phong phú âm điệu khiến bài thơ mau chóng được đông đảo bạn đọc tiếp nhận. Chính vì vậy, nó đã sớm được phổ nhạc và trở thành một bài ca sâu lắng, giàu sức truyền cảm và quen thuộc với mỗi người Việt Nam .

**CẢM NHẬN BÀI THƠ "NÓI VỚI CON" CỦA Y PHƯƠNG**

Nhà thơ Đỗ Trung Quân đã từng có những dòng thơ vô cùng ấm áp về quê hương:
“Quê hương là chùm khế ngọt
Cho con trèo hái mỗi ngày”
Còn Ngô Hữu Đoàn thì cho rằng:
“Quê hương ơi! Riêng gì “chùm khế ngọt”
Đâu riêng gì những “nón lá nghiêng che”
Quê hương là có cả những đông, hè
Có hôm quà ngọt, có ngày đòn roi”
Quê hương trong tim mỗi người đều có một vị trí quan trọng như thế để rồi cho đến hôm nay, ta vẫn không khỏi bồi hồi, xúc động trước tình yêu sâu đậm dành cho quê của nhà thơ Y Phương. Không ồn ào, không vồn vã, quê hương trong ông cũng giản dị và mộc mạc đến đẹp đẽ vô ngần. Nhà thơ đã gửi gắm tấm lòng son sắt của mình trong những dòng tâm sự với con. Bài thơ “Nói với con” đã thay mặt cho trái tim đang thổn thức của tác giả.
Cũng như Tô Hoài, Y phương là cây bút của những tâm tình miền núi. Thơ ông mộc mạc mà sâu lắng, thâm trầm mà sâu sắc. Đằng sau những cái giản dị ấy, ta bao giờ cũng thấy một tâm hồn nóng rẫy cảm xúc. Nói cách khác, hồn thơ Y Phương “ưa đạm không ưa nồng” nhưng là “cái đạm sau khi đã nồng”. Nói như lời một nhà phê bình thì “Thơ ông một bức tranh thổ cẩm đan dệt nhiều màu sắc khác nhau, phong phú và đa dạng, nhưng trong đó có một màu sắc chủ đạo, âm điệu chính là bản sắc dân tộc rất đậm nét và độc đáo. Nét độc đáo đó nằm ở cả nội dung và hình thức. Với Y Phương, thơ của dân tộc Tày nói riêng và thơ Việt Nam nói chung có thêm một “giọng điệu mới, một phong cách mới”. Có thể nói Y Phương chính là đại diện cho cái hồn, cái cốt cách dân tộc.
Mang đậm phong cách tác giả, “Nói với con” có thể coi là một trong những thi phẩm xuất sắc nhất nói về tình quê. Bài thơ được sáng tác năm 1980, ở đó không chỉ có tình quê mà còn nồng nàn tình cha, tình phụ tử, là tình cảm người cha vĩ đại dành tặng cho đứa con bé bỏng của mình. Đó cũng được coi như là niềm hi vọng, mong mỏi lớn lao nhất trong cuộc đời người cha: Mong con khôn lớn nên người, luôn yêu quê hương, tự hào về dân tộc mình. Bài thơ bởi lẽ đó cũng mang đến một niềm xúc động vô bờ trong lòng độc giả.
Có thể nói, tình cảm gia đình, nhất là tình cha con, luôn thiêng liêng, là tiền đề, cơ sở cho tình yêu Tổ quốc phát triển. Năm 1966, ta đã từng được thấm thía tình cha qua tác phẩm “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng. Cái khác biệt ở chỗ, nếu như Nguyễn Quang Sáng thử thách tình cha con qua bom rơi đạn nổ, qua cái khốc liệt của kháng chiến mà ánh ngời lên “hạt ngọc ẩn náu trong tâm hồn” người cha. Thì Y Phương lại để thứ tình cảm ấy nhẹ nhàng mà không kém phần nồng nàn, ấm nóng, là tình cảm tự nó có, không cần phải chờ bất cứ tác nhân nào. Nhờ đó mà tác phẩm thấm thía như một bài ca quý giá.
Ngay mở đầu tác phẩm, chất thơ nhẹ nhàng ấy đã len lỏi trong ta, mơn man khắp da thịt ta, gợi cho ta những cảm xúc trong ngần:
“Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười “
Tác giả đã giúp ta hình dung sâu sắc hình ảnh một đứa trẻ đang chập chững tập đi. Điều quan trọng hơn hết là xung quanh em luôn có sự giúp đỡ, dìu dắt của cha mẹ. Nhịp điệu, lời thơ khoan thai, chậm rãi, đều đều. Điệp ngữ “một bước, hai bước” tạo ra sự chuyển động, cũng là sự lớn lên từng ngày của đứa trẻ trong vòng tay yêu thương của cha mẹ mình. Từ tiếng nói bi bô đến nụ cười hồn nhiên của con yêu đã mang lại niềm hạnh phúc vô bờ cho những bậc sinh thành. Một khung cảnh gia đình hạnh phúc, ám êm đến vô bờ.
Nối tiếp tình phụ tử, tác giả mang đến cho ta những cảm xúc chân thành về tình đồng mình:
“Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời”.
“Người đồng mình yêu lắm con ơi”- câu cảm thán bộc lộ cảm xúc, niềm xúc động mãnh liệt của người cha khi vỗ về đứa con của quê hương. Bảy chữ, hai nhịp, nhưng đằng sau câu thơ ngắn ngửi ấy, bao giờ ta cũng thấy được biết bao nhiêu tình cảm chan chứa và chân thành. Đó cũng chính là cách nói của người đồng mình, người quê mình. Tiếng nói của người dân đồng bào miền núi, đặc biệt là dân tộc Tày luôn luôn gợi đến cho đối phương một sự gần gũi, trìu mến, thân thương. Người cha như đang ru vỗ tâm hồn con những tình cảm về quê hương, về con người, về dân tộc, kể cho con nghe những công việc làm ăn, những phong tục tập quán của quê hương lam lũ, vất vả nhưng rạng ngời niềm tin sống.
Một loạt các động từ “đan, cài, ken” vừa dùng để chỉ những hành động mưu sinh, vừa gợi cho người đọc thấy sự gắn bó chân thành, gắn bó xum vầy, quần tụ của đồng bào miền núi. Lời thơ không chỉ gợi công việc lao động cần cù, tỉ mỉ của dân tộc mình mà còn như một dịp để tự hào về đôi bàn tay tài hoa, tâm hồn trong sáng, lạc quan yêu đời. Dưới bàn tay của họ, những nan trúc, nan trẻ như biến thành “nan hoa”, vách nhà ken, câu hát. Hình ảnh so sánh được dùng đầy đắc hiệu cho thấy cái tài, cũng như cái tâm của tác giả. Đời sống tinh thần của quê hương vì thế mà cũng phong phú, đẹp đẽ hơn biết nhường nào!
Mạch cảm xúc tâm tình của người cha dường như lại ngưng đọng ở hai hình ảnh “rừng cho hoa, con đường cho những tá lòng”- những hình ảnh chân thực nói về người dân đồng bào mình, cũng là hình tượng thiêng liêng, cao đẹp của làng quê. Đó đồng thời cũng là những gì tốt đẹp nhất, là tình yêu, sự chở che, lòng bác ái… Những phẩm chất vàng ngọc được chắt ra từ chính cuộc đời bụi bặm, lam lũ hàng ngày.
Hai câu thơ cuối của đoạn thơ đưa người cha trở về với niềm vui bất tận của cha mẹ trong ngày cưới, để nhắc con rằng: Con không chỉ lớn lên bằng sự đùm bọc, che chở của quê hương mà còn bằng tình yêu vô bờ bến của cha mẹ. Nói cách khác, mạch nguồn nuôi dưỡng con khôn lớn trưởng thành về cả thể chất và tâm hồn không đâu khác chính là cha mẹ và quê hương. Và con hãy ghi lòng tạc dạ những lời cha dặn ấy.
Tác giả đã nhập thân vào người cha để tâm sự với con mình mà ta ngỡ như nhà thơ đang đối thoại với chính chúng ta vậy. Những lời vàng ngọc mà thấm thía như làm cho tâm hồn ta thêm trong sạch và phong phú hơn. Đó cũng chính là sức mạnh cảm hóa đặc biệt của vặn chương trong đời sống tinh thần của con người.
Văn học không chỉ nói cho mình mà còn ca thay lòng người. Không chỉ xuất phát từ “chân trời của một người” mà còn đến với “chân trời của tất cả”. Đó là lí do vì sao khổ thơ đầu là lời nhắn nhủ của chủ thể nhưng đến với những câu thơ sau, ta bỗng nhận thấy dường như thi nhân đang nói cho cả chúng ta, bộc bạch với ta, khuyên ta”
“Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con “.
Để ý thấy rằng “người đồng mình” từ “yêu lắm con ơi” sang “thương lắm con ơi” càng thêm trìu mến, thân thương không chỉ trong con mà còn trong chính chúng ta. Cách nói, cách cảm, cách nghĩ của người miền núi được thể hiện vô cùng rõ nét qua những dòng thơ thô sơ, mộc mạc: “núi cao” thì “đo nỗi buồn”, “con đường xa” thì “nuôi chí lớn” bởi cuộc sống lam lũ, vất vả, nhọc nhằn. Nhưng chính hình ảnh ấy đã hun đúc nuôi dưỡng ý chí, nghị lực của con người, cho con người biết vượt qua mọi khó khăn. Từ đó người cha mong muốn đứa con của mình biết đồng cảm, sẻ chia, yêu thương, gắn bó hơn với buôn làng. Điệp từ, điệp cấu trúc câu “sống trên đá, sống trong thung”, “không chê” như một lời khẳng định, một lý mà người cha muốn nhắc nhở con về thái độ sống phóng khoáng, mạnh mẽ cho dù có phải “lên thác xuống ghềnh”- một thành ngữ chỉ những khó khăn, thử thách mà con người phải đối mặt trên cuộc đời. Trong hình ảnh ấy, con sẽ học được cách tự chủ bản thân, vững vàng trước sóng gió, cũng như những con người của quê hương chúng ta không bao giờ nhỏ bé, nghèo hèn mà luôn giàu nghị lực.
Tôi ấn tượng nhất với hai câu thơ
“Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục”
Với cách nói giàu hình ảnh, giàu sức liên tưởng và suy ngẫm nhưng vẫn toát lên chát mộc mạc trong cách nói của người miền núi: những con người quê hương bao đời nay luôn cần cù, chịu thương chịu khó, tự mình xây đắp giá trị tinh thần, phát huy những truyền thống tốt đẹp của quê hương. Quê hương và những truyền thống tốt đẹp chính là nền tảng, là điểm tựa tinh thần vững chắc giúp con người vươn lên. Tiếng gọi thân thương, trìu mến của người cha “con ơi” cứ lắp đi lặp lại trong suốt mạch cảm xúc. Tiếng gọi ấy cất lên ở nửa cuối bài thơ có phần nghiêm nghị:
“Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.”
Cách nói ấy một lần nữa khẳng định sự chân chất mộc mạc, giản dị của “người đồng mình”. “Lên đường” là hình ảnh ẩn dụ để chỉ con đường đời, con đường đi tới tương lai, khi đó, con phải thật mạnh mẽ, vững vàng, không được phép yếu mềm buông xuôi trước thách thức của cuộc đời. Cách nói “nghe con” như một lời cầu khiến thể hiện sự chân thành, vừa là một lời khuyên chí tình dành cho con, cũng như thế hệ trẻ của buôn làng. Rất tự nhiên mà sâu sắc, bài thơ đã động vào dây đồng cảm của chúng ta, khiến ta phải suy nghĩ về trách nhiệm, bổn phận của mình với quê hương, đất nước.
Có thể nói, tác phẩm đã đem đến một định nghĩa mới lạ cho tình phụ tử của dân tộc Tày. Với thể thơ tự do, câu dài câu ngắn rất phù hợp với cuộc sống gập ghềnh của người dân vùng núi. Hình ảnh thơ mang đậm chất của núi rừng, sông suối. Kết hợp với mạch cảm xúc tự nhiên, nhẹ nhàng, không chỉ đơn thuần là những lời khuyên chân tình với con mình, đó còn là lời nhắn nhủ với tất cả chúng ta về truyền thống đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Bài thơ chính là một đóa hoa thơm góp vào mảng đề tài quê hương, đất nước. Cho ta thêm yêu thêm nhớ quê nhà thân thuộc của mình:
“Quê hương ơi! Xa rồi nhớ thành thơ
Tiếng mẹ đẻ, gặp nhau mừng khôn xiết
Ai cũng vậy xa lâu rồi mới biết
Những ngôn từ không đủ viết…quê hương!”

**CẢM NHẬN BÀI THƠ SANG THU CỦA HỮU THỈNH (Bài hay)**

Thu là thơ của đất trời, là “bình minh mát” của lòng người (Xuân Diệu). Viết về thu, đã có bao áng thơ hay tuyệt tác nhưng có lẽ chỉ khi đến với Hữu Thỉnh, ta mới có thể cảm nhận được phần nào cái “cốt tủy chung tình bên trong” của nó. Tất cả mọi vẻ đẹp ở “bề sau, bề sâu, bề xa” của mùa thu đều được gửi gắm qua bài thơ “Sang thu”- tác phẩm mà có lẽ đến mãi sau này, ta vẫn không thể ngừng thương nhớ.

Hữu Thỉnh là một trong những nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Sớm gần gũi với thiên nhiên cây cỏ, thơ ông được thừa hưởng cái dạt dào trong cảm xúc về quê hương, đất nước và con người. Ngòi bút của ông rất bắt nhạy với những gì mong manh nhẹ nhàng tưởng như khó nắm bắt nhất. Đó là lí do vì sao khi cảm xúc chợt tìm đến thi nhân, trong cái tiết hanh hanh của thu mới, của hạ cũ, nhà thơ không thể kìm lòng được mà phải cầm bút viết bài thơ “Sang thu” (1977). Đó được coi như những dòng chia sẻ chân thành của một tâm hồn tinh tế trước thiên nhiên giao mùa, cũng là nơi gửi gắm biết bao chiêm nghiệm kín đáo về mùa thu mới của cuộc đời, của con người và dân tộc.

“Từ Homero đến Kinh Thi, đến ca dao Việt Nam”, thu vẫn luôn là nguồn cảm hứng bất tận của các thi nhân. Riêng trong làng thơ Việt, ta đã không ít lần bắt gặp một mùa “Thu điếu” trong thơ Nguyễn Bính, một “Tiếng thu” trong thơ Lưu Trọng Lư, một “Thơ duyên” trong thơ Xuân Diệu…. Và mùa thu trong Hữu Thỉnh là mùa đáng nhớ nhất, ấn tượng nhất với những chuyển biến tế vi từ cuối hạ sang đầu thu. Chính việc lựa chọn thời điểm độc đáo ấy đã khiến cho người đọc cảm nhận rõ ràng sự vận động, luân chuyển của thời gian, không gian tạo vật. Càng đọc, ta càng cảm phục hơn trước cái tài thâu tóm của nhà thơ.

Đến với khổ thơ đầu, ta như được hòa mình trong bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp của làng quê Việt Nam thật sống động:
“Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về”

Câu thơ mở đầu với cụm từ “bỗng nhận ra” diễn tả thật chính xác cảm xúc ngỡ ngàng, thú vị trước sự đổi thay đột ngột của thiên nhiên cảnh vật. Điều đầu tiên cuốn hút tôi là chi tiết “hương ổi”, một chi tiết khá mới mẻ và độc đáo đối với thơ ca thời bấy giờ. Nếu như người xưa thấy thu qua “ngô đồng nhất diệp lạc”, thi sĩ Xuân Diệu đón chào thu bằng hình ảnh “rặng liễu đìa hiu đứng chịu tang” (Đây mùa thu tới), vị Tam Nguyên Yên Đổ yêu thu từ chiếc “lá vàng trước gió khẽ đưa vèo” (Thu điếu), Lưu Trọng Lư gửi gắm thu trong “con nai vàng ngơ ngác” (Tiếng thu), thì Hữu Thỉnh lại lựa chọn “hương ổi”. Ông tâm sự: “giữa trời đất mênh mang, giữa cái khoảng khắc giao mùa kỳ lạ thì điều khiến cho tâm hồn tôi phải lay động, phải giật mình để nhận ra đó chính là hương ổi. Với tôi, thậm chí là với nhiều người khác không làm thơ thì mùi hương đó gợi nhớ đến tuổi ấu thơ, gợi nhớ đến buổi chiều vàng với một dòng sông thanh bình, một con đò lững lờ trôi, những đàn trâu bò no cỏ giỡn đùa nhau và những đứa trẻ ẩn hiện trong triền ổi chín ven sông… Nó giống như mùi bờ bãi, mùi con trẻ… “. Hóa ra đó là mùi hương quen thuộc, dân dã, mộc mạc luôn vấn vương mãi trong tâm hồn người con yêu xứ, mùi hương của tuổi thơ, của tiếng cười, của bình yên và hạnh phúc. Điều đặc biệt ở chỗ hương thơm ấy không những nồng nàn, đậm đặc mà cũng như thấm thoát, dìu dịu, thoang thoảng, lan tỏa khắp không gian đất trời. Điều đó thể hiện rõ nhất ở động từ “phả”. đây cũng được coi như một thành công nghệ thuật của bài.

Trong cái không gian đậm mùi thu ấy, thấp thoáng hình ảnh “Sương chùng chình” nhẹ lướt qua đường, qua thôn xóm, tựa như bóng dáng một thiếu nữ yểu điệu, thướt tha, nhẹ nhàng lướt qua đánh thức tâm hồn thi nhân. Chỉ với hai hình ảnh “hương ổi” và “sương” giàu giá trị gợi hình gợi cảm, tác giả như vẽ ra trước mắt ta một mùa thu đặc trưng của mỗi làng quê Việt Nam trong cái tiết trời se se, mát mẻ, dễ chịu, gợi trong lòng người đọc cảm giác bâng khuâng, xao xuyến lạ lùng.

Câu thơ thứ tư không còn là bức tranh thiên nhiên nữa mà đó đã trở thành bức tranh tâm cảnh, bức tranh của lòng người: “Hình như thu đã về”. Tôi nhớ người chàng thi sĩ “sẵn sàng ân ái” Xuân Diệu khi nói về thu có lần từng thốt lên rằng: “Đây mùa thu tới, mùa thu tới”. Câu thơ reo lên như có gì vừa vui mừng, háo hức, vừa như chồng chất thêm cả niềm lo sợ, tiếc nuối thời gian. Ở Hữu Thỉnh, ta lại bắt gặp một sự hoài nghi, lưỡng lự, một điều gì đó chưa rõ ràng trong cảm xúc. Phải chăng thiên nhiên chưa đủ làm nên một mùa thu trọn vẹn hay chính tâm hồn thi sĩ chưa kịp sẵn sàng để đón chào sự đổi thay của tạo vật? Tác giả đã cảm nhận mùa thu bằng rất nhiều giác quan khác nhau. Từng câu từng tiếng thoát ra đều thể hiện rõ sự tinh tế, sâu sắc trong cách nhìn, cách cảm cuộc sống.

Thế giới quan, nhân sinh quan của nhà thơ tiếp tục được mở rộng với bức tranh thu tuyệt tác:
“Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu”

Hình ảnh đầu tiên hé lộ với dòng sông “dềnh dàng” thong thả, lững lờ trôi. Gợi ra trong ta cảm giác về một mùa thu êm đềm, chảy trôi như tam thế của một “người khách bộ hành phiêu lãng” (Thế Lữ), đang thư thái vừa đi vừa ngắm cảnh đôi bờ. Trên trời, mấy cánh chim đã “vội vã” bay về Nam tránh rét. Hữu Thỉnh thật tinh tế khi sử dụng cụm từ “được lúc” và “dềnh dàng”, có nghĩa chỉ đến mùa thu, mọi vật mới biến đổi như thế. Đó là những thay đổi, biến chuyển của thiên nhiên trong giây phút giao mùa.

Đặc biệt gây sự chú ý cho độc giả là “đám mây mùa hạ vắt nửa mình sang thu”. Cố nhiên, đây không phải hình ảnh tả thực. Câu thơ đọc lên tưởng chừng như vô lý nhưng lại ẩn chứa cái có lý của cảm xúc. Hình ảnh đám mây độc đáo bắc ngang qua mùa hạ và mùa thu chính là phản chiếu của tâm hồn thi nhân: Thu đã đến thật rồi, nhanh và vội vã quá. Chỉ còn đây tâm hồn nhà thơ đang ngập ngừng, bâng khuâng, tiếc nuối như muốn níu kéo thời gian, níu kéo chút chói chang, nồng nàn của mùa hạ. Bước chân thi sĩ đã gần chạm đến mùa thu mà trong lòng vẫn vấn vương chút nắng hạ. Là gì đây nếu không phải trái tim chan chứa yêu thương, gắn bó với cuộc sống này?

Không chỉ tinh tế trong cách sử dụng từ ngữ, cách lựa chọn hình ảnh mà t còn thấy ở Hữu Thỉnh một tâm hồn nhạy cảm, một tình yêu và sự gắn bó thiết tha với quê hương đất nước. Chính bởi lẽ đó, bức tranh “sang thu” mới hiện lên thật sống động và có hồn đến vậy.

Nếu như hai khổ thơ đầu nghiêng về mù thu của đất trời thì đến khổ thơ kết, tác giả lại hướng chúng ta về một mùa thu của lòng người với những trải nghiệm của chính bản thân mình.

“Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi”

Vẫn là những hình ảnh thiên nhiên của mùa hạ với nắng, mưa, sấm. Nhưng cách diễn tả của nhà thơ thật tinh tế: Nắng vẫn còn nhưng không rực rỡ, chói chang. Mưa vẫn còn nhưng không ào ạt. Sấm vẫn còn nhưng không dữ dội. Tất cả những gì đặc sắc nhất của mùa hạ dường như vẫn còn chì có điều tất cả đã vơi dần, vơi bất ngờ, vơi vội vã. Hình ảnh ấy rất phù hợp với không khí thời điểm giao mùa. Hạ chưa hết mà thu đang qua. Mùa nọ nối tiếp mùa kia, góp vào cuộc đời chung khúc giao hưởng ý nghĩa. Bên cạnh đó, ta còn ấn tượng hơn với tầng lớp ẩn dụ đằng sau câu chữ, gợi liên tưởng về những tác động của ngọai cảnh đến con người. “Hàng cây đứng tuổi” hay cũng chính là những con người đang bước vào tuổi trung niên, những con người đã bước qua tuổi trẻ- cái thời vàng son sôi nổi, cái thời mà con người ta có quyền phung phí những ước mơ, hoài bão. Giờ đây, đối với những người dày dặn kinh nghiệm trong phong ba bão táp của cuộc sống, mọi thứ đã trở nên điềm tĩnh và vững vàng hơn, trước thời cuộc, trước sự thách thức của khó khăn và sự đổi thay của xã hội.
Ý thơ nhẹ nhàng mà thấm thía, chất chứa bao suy ngẫm của thi nhân về cuộc sống đã chạm vào sợi dây đồng cảm của mỗi chúng ta. “Thơ đi từ chân trời của một người đến chân trời của tất cả”, và Hữu Thỉnh đã làm được điều đó. Bài thơ cho ta hiểu thêm và trân trọng hơn dòng tâm sự của những thế hệ đã qua, đặc biệt là tâm sự thầm kín mag chân thành nhất từ trái tim người nghệ sĩ.

Hengmingway từng nói, đại ý: Một tác phẩm hay là một tác phẩm tuân theo nguyên lý “tảng băng trôi” một phần chìm, bảy phần nổi. Tôi cho rằng “Sang thu” chính là một thi phẩm như thế. Chỉ với ba khổ thơ ngắn ngủi, khiêm nhường, nhà thơ đã thực sự mang đến cho người đọc những cảm xúc rất riêng. Bài thơ kết cấu rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm, hình ảnh thơ chân thực, đa nghĩa, giọng điệu với những trạng thái biến chuyển tinh vi, sâu sắc, không chỉ khắc họa thành công bức tranh thiên nhiên mùa thu tiêu biểu của làng quê Việt Nam mà còn lắng lại trong tâm trí chúng ta một mùa thu của cuộc đời cùng những tâm tư thật xúc động.

Xuân, hạ, thu, đông, bốn mùa luân chuyển. Cùng với sự phát triển không ngừng, văn học bao giờ cũng đặt ra một chuẩn mực mới. Nhưng có lẽ “Sang thu” của Hữu Thỉnh vẫn sẽ còn đủ sức vượt qua “mọi sự băng hoại của thời gian”, sẽ còn sống mãi với muôn đời, góp vào cuộc sống chung những cảm xúc vấn vương về thiên nhiên, quê hương, đất nước, cho lòng người thêm trong sạch và phong phú hơn.

**CẢM NHẬN BÀI THƠ VIẾNG LĂNG BÁC CỦA VIỄN PHƯƠNG (Bài hay)**

Thời gian có thể phủ bụi dường như tất cả nhưng có những chân giá trị, những con người càng rời xa thời gian, càng sáng, càng đẹp. Đã gần nửa thế kỉ trôi qua, Hồ Chí Minh- vị lãnh tụ vĩ đại cống hiến và hy sinh cả cuộc đời mình cho quốc gia, dân tộc – vẫn chiếm trọn tình cảm của mỗi người con Việt Nam. “Bác Hồ đó, chiếc áo nâu giản dị. Màu quê hương bền bỉ đậm đà. Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta…” (Tố Hữu). Và một lần nữa, ta lại không khỏi bồi hồi trước những dòng thơ trong bài thơ Viếng lăng Bác của nhà thơ Viễn Phương. Bài thơ chính là tấm lòng “tủy cốt chung tình” nhất không chỉ của tác giả, mà còn của toàn thể đồng bào Việt.

Nhắc đến Viễn Phương, Mai Văn Tạo có lần từng nhận xét: “Thơ Viễn Phương nền nã, thì thầm, man mác, bâng khuâng, day dứt, không gút mắc, cầu kỳ, kênh kiệu, khoa ngôn. Hình ảnh nào trong đời sống anh cũng tìm thấy chất thơ. Không đợi đến “Tiếng tù và trong sương đêm”, “Hoa lục bình trôi man mác tím, bông lau bát ngát nắng chiều” hay “Chòm xanh điên điển nhuộm vàng mặt nước”… Một mái lá khô hanh trong rừng vắng anh cũng đưa vào đấy cái thực, cái hư, rất thơ mà thực, rất thực mà thơ” Quả thật như vậy, các sáng tác của Viễn Phương đã thể hiện rất rõ điều đó.

Ông có rất nhiều thi phẩm hay nhưng nổi bật nhất phải kể đến Viếng lăng Bác. Bài thơ được in trong tập “Như mây mùa xuân” năm 1976 với những dòng cảm xúc chân thành, sâu sắc, niềm thành kính và biết ơn của nhà thơ cũng như toàn thể đồng bào miền Nam, của nhân dân toàn quốc dành cho người cha vĩ đại của dân tộc. Bởi lẽ đó, bài thơ cũng được coi như một nén tâm hương chân thành dâng lên Người.

Trước hết có thể thấy hiện lên ở khổ thơ đầu là cảm xúc tự hào, niềm xúc động khi được đến thăm lăng Bác để thỏa nỗi lòng của thi nhân:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

Câu thơ mở đầu thay cho một lời chào, một lời giới thiệu về hành trình của những đứa con từ miền Nam ra Hà Nội thăm Bác Hồ kính yêu. Cách xưng hô “con -Bác” của người Nam Bộ gợi đến những tình cảm rất thân thương và gần gũi. Nó cho thấy mối quan hệ giữa Bác và những đứa con tựa như tình cha con ruột thịt. Tác giả như một đứa con lâu ngày mới có dịp về thăm vị cha già kính yêu. Với từ “thăm”- một cách nói giảm nói tránh, tác giả cố giấu đi, nén lại trong lòng cảm xúc đau thương mất mát không thể nào bù đắp được của cả dân tộc và cũng như để nói với tự lòng mình: Bác còn sống mãi với non sông đất nước, còn sống mãi “như trời đất của ta”, trong “từng ngọn lúa mỗi nhành hoa” (Tố Hữu).

Hình ảnh “hàng tre bát ngát” hiện ra trong sương mờ buổi sớm trên con đường đến thăm Bác, đó là hình ảnh tả thực, hình ảnh của quê hương thân thương, yên bình, gần gũi luôn ở bên Người. Một câu cảm thán tác giả sử dụng để bộc lộ cảm giác ngỡ ngàng về hình ảnh hàng tre: “Ôi! Hàng trẻ xanh xanh Việt Nam”. Đó là hình ảnh ẩn dụ tuyệt đẹp cho người dân Việt Nam, là biểu tượng cho dân tộc Việt Nam trải qua “bão táp mưa sa”- thành ngữ chỉ muôn vàn khó khăn gian khổ để rồi thi nhân như khẳng định chắc nịch rằng: mỗi cây trẻ như một con người Việt Nam bền bỉ, kiên trung, vững vàng nay trở về kính cẩn nghiêng mình trước anh linh của Bác. Ba hình ảnh đã tạo nên một trường liên tưởng độc đáo, thú vị: Lăng Bác hiện lên như một làng quê yên bình với những con người bình dị, gần gũi vô cùng.
Chầm chậm theo dòng người vào trong lăng, nơi Bác đang yên nghỉ, tâm hồn nhà thơ chứa chan lòng thành kính, biết ơn và ngưỡng mộ sâu sắc đối với Bác Hồ:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một Mặt Trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.

“Mặt trời đi qua trên lăng” là mặt trời của vũ trụ, của thiên nhiên ngày ngày sưởi ấm Trái Đất, mang lại sự sống cho vạn vật muôn loài. Tác giả cũng nhận ra, trong lăng cũng có một “mặt trời”, một “mặt trời rất đỏ”. Đó cũng chính là hình ảnh ẩn dụ tuyệt đẹp chỉ Bác Hồ kính yêu vì Bác như vầng mặt trời có công lao to lớn cho toàn thể dân tộc, dìu dắt ta từ chỗ lầm than đến ngày tự do huy hoàng. Đồng thời phép ẩn dụ cũng như một cách thể hiện tấm lòng thành kính của chính tác giả với Bác Hồ. Cụm từ “ngày ngày” đã khẳng định quy luật bất biến của con người cũng như tự nhiên: nơi lăng Bác dòng người nối dài vô tận không ngừng nghỉ, lặng lẽ, kính cẩn, trang nghiêm để được vào lăng viếng Bác. Dòng người ấy là tấm gương điển hình trên các mặt trận lao động, sản xuất, chiến đấu, đại diện cho gần 60 dân tộc anh em từ khắp nơi trên mọi miền Tổ quốc tụ họp lại đây. Họ kết thành hình ảnh một “tràng hoa”- hình ảnh ẩn dụ giàu ý nghĩa tượng trưng cho những gì tốt đẹp nhất, tinh túy nhất của thiên nhiên, của con người Việt Nam thành kính dâng lên Bác, dâng lên “bảy mươi chín mùa xuân”. Phép hoán dụ, cũng là cách nói trang trọng nhằm diễn đạt ý tứ sâu xa: bảy mươi chín tuổi đời của Bác là bảy mươi chín mùa xuân tươi đẹp, một cuộc đời đẹp và tràn đầy ý nghĩa. Bác đã đem lại cho ta một mùa xuân vĩnh hằng, mùa xuân của độc lập tự do và hạnh phúc.
Với những cảm xúc và suy nghĩ của riêng mình, lời thơ của Y Phương đã chạm vào trái tim của tất cả chúng ta khi nghĩ về Bác:

Vì sao trái đất nặng ân tình
Nhắc mãi tên Người Hồ Chí Minh.

Mạch cảm xúc của tác giả tiếp tục với những dòng cảm xúc tiếc thương vô hạn, cho dù cố giấu đi những dòng cảm xúc ấy nhưng vẫn đủ sức lay động trái tim của hàng triệu người:

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim.

Vẫn là phép nói giảm, nói tránh “giấc ngủ bình yên”, tác giả như cố gắng muốn xua đi sự thật phũ phàng: Bác không còn nữa. Hai câu thơ như tái hiện trước mắt độc giả hình ảnh chân thực: Bác đang nằm trên kính, ánh đèn hồng chiếu xuống khiến cho gương mặt Bác trở nên hồng hào và sáng dịu hiền như vầng trăng. “Trời xanh” và “ánh trăng” được nhắc đến vừa là hình ảnh thực, vừa có ý nghĩa ẩn dụ thể hiện sự bất diệt và trường tồn của thiên nhiên. Kết hợp với cặp quan hệ từ “vẫn biết – mà sao”, tác giả như muốn lấy quy luật của tự nhiên để khẳng định quy luật của con người, nhằm tự trấn an lòng mình: vẫn biết Bác luôn sống mãi trong lòng dân tộc nhưng sự thật phũ phàng rằng Bác đã ra đi mãi mãi khiến tác giả thấy “nghe nhói ở trong tim”. Từ “nghe nhói” là nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác một cách rõ nét nhất cảm giác đau đớn tột cùng của tác giả khi nghĩ sự thật rằng Bác không còn nữa. Đó là nỗi đau quá lớn khiến tác giả không giấu nổi nghẹn ngào.

Có lẽ cũng bởi vậy mà mới nghĩ đến việc ngày mai phải xa Bác kính yêu, lòng tác giả và những đứa con miền Nam đã dâng niềm xúc động bồi hổi:

Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này…

Lời thơ nghẹn ngào, nức nở, cảm xúc nhớ thương được bộc lộ một cách trực tiếp, “thương trào nước mắt” không chỉ là cảm xúc của Viễn Phương mà ông như đang nói hộ tâm lòng của muôn vàn những trái tim ấm nóng khác khi phải xa chốn thiêng liêng. Để rút ngắn khoảng cách không gian, nhà thơ đã bày tỏ niềm ước muốn chân thành, thiết tha, xúc động bằng một loạt các động từ “muốn làm” kết hợp với hình ảnh thiên nhiên đầy ẩn dụ tượng trưng: làm con chim để dâng tiếng hót lên lăng Bác, làm cây trẻ thành kính, tôn nghiêm như người lính canh giữ giấc ngủ bình yên cho Người. Đó không chỉ là hình ảnh tinh túy của thiên nhiên mà còn là hình ảnh kết tinh vẻ đẹp sức sống con người kính dâng lên Bác. Bình dị, khiêm nhường, không ồn ào khoa trương, ước nguyện của nhà thơ cũng là ước nguyện của chúng ta: Ai cũng muốn ở bên Bác, muốn làm điều gì đó dẫu là nhỏ bé cho Bác vui lòng.

Đặc biệt hơn cả là hình ảnh “cây tre trung hiếu” kết thúc bài thơ tạo ra kết cấu dầu cuối tương ứng. Đồng thời còn là hình ảnh nhân hóa, ẩn dụ mang ý nghĩa khái quát, nhất là đặt trong hoàn cảnh đất nước ta lúc bấy giờ, câu thơ khẳng định tấm lòng chung thủy, sắt son với Đảng, với Bác Hồ của đồng bào miền Nam.

Cứ thế, bước chân đi nhưng lòng còn níu lại. Cảm xúc của nhà thơ thật chân thành, xúc động đã chạm vào dây đồng cảm của tất cả chúng ta.

Cùng với tất cả những tác phẩm ca ngợi về hồ chủ tịch, bài thơ Viếng lăng Bác đã để lại dòng cảm xúc xót thương biết bao trong lòng người đọc suốt bốn mươi năm qua bởi thành công rực rỡ về cả nội dung lẫn nghệ thuật. Ngôn ngữ thơ giản dị, mộc mạc, đậm chất Nam Bộ, hình ảnh thơ chân thực gợi nhiều trường liên tưởng, tưởng tượng. Trong đó, đặc sắc nhất là những biện pháp như: nói giảm, nói tránh, ẩn dụ, hoán dụ, điệp từ… được tác giả sử dụng linh hoạt, hiệu quả cao về giá trị thẩm mỹ. Bài thơ bởi lẽ đó đã mang đến cho ta những cảm xúc sâu sắc về Bác Hồ kính yêu với những công lao vĩ đại mà Người đã cống hiến, hy sinh cho dân tộc. Với ý nghĩa đó, bài thơ thực sự trở thành nén tâm hương thành kính của nhà thơ cũng như của nhân dân cả nước kính dâng lên Bác. Bên cạnh đó, Viễn Phương đã góp phần lớn của mình vào đề tài ca ngợi lãnh tụ. Một bài thơ hay, một cảm xúc chân thành, lắng đọng trong lòng người đọc.

Cùng với rất nhiều bài thơ ca ngợi Bác, Viếng lăng Bác của Viễn Phương mãi mãi là bài ca đi cùng năm tháng. Bài thơ đã thể hiện trong lòng ta những cảm xúc tự hào, biết ơn vô hạn với vị cha già vĩ đại của dân tộc.

Hoàng Hà Anh

**Phân tích bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" của nhà thơ Thanh Hải.**
Bài Làm

"Nếu là con chim, chiếc lá,
Con chim phải hót, chiếc lá phải xanh
Lẽ nào vay mà không trả,
Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình."
(Tố Hữu)
Tố Hữu - nhà thơ cùng quê hương xứ Huế với Thanh Hải - đã viết trong bài "Một khúc ca xuân" những lời tâm niệm thật chân thành, giản dị và tha thiết. Đó là "lặng lẽ dâng cho đời". Còn Thanh Hải khi viết bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" trước lúc ra đi, không những đã giải bày những suy ngẫm mà còn mong ước được dâng hiến một mùa xuân nho nhỏ của mình cho mùa xuân vĩ đại của đất nước Việt Nam.
Sinh ra, lớn lên, hoạt động cách mạng và tham gia công tác văn nghệ suốt hai thời kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ ngay chính trên quê hương ruột thịt của mình. Ở địa diểm nào, hoàn cảnh nào ông cũng thể hiện được lẽ sống của mình. Đó là sự giản dị, chân thành, yêu người và khát vọng dâng hiến sức mạnh cho đời như chính cuộc sống và tâm hồn ông. Chúng ta có thể coi bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" là món quà cuối cùng mà Thanh Hải dâng tặng cho đời trước lúc về cõi vĩnh hằng. Chính vì vậy nó bâng khuâng, tha thiết và sâu lắng hơn tất cả để cuối cùng thể hiện một Thanh Hải yêu người, yêu cuộc sống, yêu quê hương đất nước và còn là một Thanh Hải sống cho thơ và sống cho đời.
Trước lúc vĩnh viễn ra đi ông cũng để lại cho đời những vần thơ thật nhân hậu, thiết tha và thanh thản, không hề gợn một nét u buồn nào của một cuộc đời sắp tắt. Khi cuộc đời mình đã bước vào cuối đông, nhà thơ vẫn nghĩ đến một mùa xuân bất diệt, muôn thuở và nguyện dâng hiến cho đời.
Hình ảnh của một mùa xuân rất Huế đã được tác giả mở đầu cho bài thơ:
"Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc.
Ơi con chim chiền chiện
Hót cho mà vang trời,
Từng giọt long lanh rơi,
Tôi đưa tay tôi hứng".
Một nét đặc trưng nơi xứ Huế là hình ảnh màu tím. Một màu tím thật gợn nhẹ như màu tím hoa sim mọc giữa con sông xanh biếc hay như những tà áo dài với màu tím thật nhẹ nhàng của những cô gái Huế. Cảm xúc về mùa xuân mở ra thật ngỡ ngàng, bất ngờ, không gian như tươi tắn hơn, trẻ trung hơn, thánh thoát hơn:
"Ơi con chim chiền chiện
Hót cho mà vang trời,
Từng giọt long lanh rơi,
Tôi đưa tay tôi hứng".
Trong không gian vang vang vui tươi của tiếng chim càng đậm đà chất Huế hơn nhờ dùng đúng chỗ những ngôn từ đặc trưng xứ Huế. Một từ "Ơi" đặt ở đầu câu, một từ "chi" đứng sau động từ "hát" đã đưa cách nói ngọt ngào, thân thương của Huế vào nhạc điệu của thơ. Từ "giọt" được hiểu theo rất nhiều nghĩa: có thể là "giọt nắng bên thềm", giọt mưa xuân, giọt sương sớm hay cả tiếng hót của những chú chim chiền chiện. Nhưng đối với khung sắc trời xuân thì giọt xuân càng làm tăng thêm vẻ đẹp và sự quyến rũ của nó. Một từ "hứng" cũng đủ diễn tả sự trân trọng của nhà thơ đối với vẻ đẹp của trời, của sông, của chim muông hoa lá; đồng thời cũng thể hiện cảm xúc trọn vẹn của Thanh Hải trước mùa xuân của thiên nhiên đất trời.
Từ mùa xuân của thiên nhiên đất trời, tác giả đã chuyển cảm nhận về mùa xuân của cuộc sống, nhân dân và đất nước. Với hình ảnh "người cầm súng" và "người ra đồng", biểu tượng của hai nhiệm vụ: chiến đấu bảo vệ tổ quốc và lao động tăng gia để xây dựng đất nước với những câu thơ giàu hình ảnh và mang tính gợi cảm:
"Mùa xuân người cầm súng,
Lộc giắt đầy trên lưng.
Mùa xuân người ra đồng,
Lộc trãi dài nương mạ.
Tất cả như hối hả,
Tất cả như xôn xao..."
Hình ảnh mùa xuân của đất trời đọng lại trong lộc non đã theo người cầm súng và người ra đồng, hay chính họ đã đem mùa xuân đến cho mọi miền của tổ quốc thân yêu.
Tác giả đã sử dụng biện pháp điệp từ, điệp ngữ như nhấn mạnh và kết thúc một khổ thơ bằng dấu ba chấm. Phải chăng dấu ba chấm như còn muốn thể hiện rằng: đất nước sẽ còn đi lên, sẽ phát triển, sẽ đến với một tầm cao mới mà không có sự dừng chân ngơi nghỉ.
Sức sống của "mùa xuân đất nước" còn được cảm nhận qua nhịp điệu hối hả, những âm thanh xôn xao của đất nước bốn ngàn năm, trải qua biết bao vất vả và gian lao để vươn lên phía trước và mãi khi mùa xuân về lại được tiếp thêm sức sống để bừng dậy, được hình dung qua hình ảnh so sánh rất đẹp:
"Đất nước bốn ngàn năm
Vất và vào gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước"
Đó chính là lòng tự hào, lạc quan, tin yêu của Thanh Hải đối với đất nước, dân tộc. Những giọng thơ ấy rất giàu sức suy tưởng và làm say đắm lòng người.
Từ cảm xúc của thiên nhiên, đất nước, mạch thơ đã chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ suy ngẫm và tâm niệm của nhà thơ trước mùa xuân của đất nước. Mùa xuân của thiên nhiên, đất nước thường gợi lên ở mỗi con người niềm khát khao và hi vọng; với Thanh Hải cũng thế, đây chính là thời điểm mà ông nhìn lại cuộc đời và bộc bạch tâm niệm thiết tha của một nhà cách mạng, một nhà thơ đã gắn bó trọn đời với đất nước, quê hương với một khát vọng cân thành và tha thiết:
"Ta làm con chim hót,
Ta làm một cành hoa.
Ta nhập vào hoà ca,
Một nốt trầm xao xuyến"
Lời thơ như ngân lên thành lời ca. Nếu như đoạn đầu Thanh Hải xưng tôi kín đáo và lặng lẽ thì đến đoạn này ông chuyển giọng xưng ta. Vì sao có sự thay đổi như vậy? Ta ở đây là nhà thơ và cũng chính là tất cả mọi người. Khát vọng của ông là được làm con chim hót, một cành hoa để hoà nhập vào "mùa xuân lớn" của đất nước, góp một nốt trầm vào bản hoà ca bất tận của cuộc đời. Hiến dâng "mùa xuân nho nhỏ" nghĩa là tất cả những gì tốt đẹp nhất, dù nhỏ bé của mỗi người cho cuộc đời chung cho đất nước. Điều tâm niệm đó thật chân thành, giản dị và tha thiết - xin được làm một nốt trầm trong bản hoà ca của cuộc đời nhưng là "một nốt trầm xao xuyến".
Điều tâm niệm của tác giả: "lặng lẽ dâng cho đời" chính là khát vọng chung của mọi người, ở mọi lứa tuổi, chứ đâu phải của riêng ai. Thanh Hải đã thể hiện hết mình vì lòng tin yêu cuộc sống và khiêm tốn hiến dâng cho đất nước, cho cuộc đời, bởi vậy, xuất phát từ tiếng lòng thiết tha, nhỏ nhẹ, chân thành của tác giả nên lời thơ dễ dàng được mọi người tiếp nhận và chia sẻ cho nhau:
"Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc".
Đã gọi là cống hiến cho đời thì dù ở tuổi nào đi chăng nữa cũng phải luôn biết cố gắng hết tâm trí để phục vụ và hiến dâng cho quê hương, đất nước mến yêu của chính mình. Già - cống hiến tuổi già, trẻ - cống hiến sức trẻ để không bao giờ thất vọng trước chính bản thân mình.
Thật cảm động và kính phục biết bao khi đọc những vần thơ như lời tổng kết của cuộc đời. "Dù là tuổi hai mươi" khi mới tham gia kháng chiến cho đến khi tóc bạc là thời điểm hiện thời vẫn lặng lẽ dâng hiến cho đời và bài thơ này là một trong những bài thơ cuối cùng. "Một mùa xuân nho nhỏ" cuối cùng của Thanh Hải dâng tặng cho đời trước lúc ông bước vào thế giới cực lạc, chuẩn bị ra đi mãi mãi.
Kết thúc bài thơ bằng một âm điệu xứ Huế: điệu Nam ai, Nam Bình mênh mang tha thiết, là lời ngợi ca đất nước, biểu hiện niềm tin yêu và gắn bó sâu nặng của tác giả với quê hương, đất nước, một câu chân tình thắm thiết
"Mùa xuân ta xin hát
Câu Nam ai, Nam Bình
Nước non ngàn dặm tình
Nước non ngàn dặm mình
Nhịp phách tiền đất Huế"
Đánh giá chung
Những lời tâm sự cuối cùng của người sắp mất luôn là những lời thực sự, luôn chứa chan tình cảm, ước nguyện sâu lắng nhất... và bài thơ này cũng chính là những điều đúc kết cả cuộc đời của ông. Ông đã giải bày, tâm tình những điều sâu kín nhất trong lòng, và chính lúc đó Thanh Hải đã thả hồn vào thơ, cùng chung một nhịp đập với thơ để ông và thơ luôn được cùng nhau, hiểu nhau và giải bày cho nhau.
Tóm lại bài thơ đã sử dụng thể thơ năm chữ, mang âm hưởng dân ca nhẹ nhàng tha thiết, giàu hình ảnh, nhạc điệu, cất trúc thơ chặt chẽ, giọng điệu đã thể hiện đúng tâm trạng, cảm xúc của tác giả. Nét đặc sắc của bài thơ là ở chỗ nó đề cập đến một vấn đề lớn và quan trọng "nhân sinh", vấn đề ý nghĩa cuộc sống của mỗi cá nhân được Thanh Hải thể hiện một cách chân thành, thiết tha, bằng giọng văn nhỏ nhẹ như một lời tâm sự, gửi gắm của mình với cuộc đời. Nhà thơ ước nguyện làm một "mùa xuân" nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường; là "một mùa xuân nho nhỏ" góp vào "mùa xuân lớn" của đất nước của cuộc đời chung và bài thơ cũng có ý nghĩa hơn khi Thanh Hải nói về "mùa xuân nho nhỏ" nhưng nói được tình cảm lớn, những xúc động của chính tác giả và của cả chúng ta.

**CẢM NHẬN "MÙA XUÂN NHO NHỎ" CỦA THANH HẢI**
(bài hay)

Cuộc sống là món quà đẹp nhất tạo hóa dành tặng cho con người. Sống, tận hưởng nhưng còn phải tận hiến. Đó cũng chính là nguồn cảm hứng mãnh liệt nhất thôi thúc nhà thơ Thanh Hải cầm bút viết nên thi phẩm quá đỗi nhân văn – “Mùa xuân nho nhỏ”. Nhẹ nhàng mà sâu lắng, bài thơ vừa là tiếng lòng thi sĩ, vừa là thông điệp nhân sinh sâu sắc mà Thanh Hải dành tặng cho độc giả hôm nay và cả mai hậu.

Thanh Hải là một trong những cây bút nổi bật cho hồn thơ thời chống Mỹ cứu nước. Mang trong mình “cái tạng” riêng, thơ của ông thường hướng tình cảm của mình về miền Bắc xa nhớ trong những năm đất nước bị chia cắt. Với hồn thơ giản dị, mộc mạc đậm tính Huế, nhà thơ thực sự đã đã mang đến vẻ đẹp cho cuộc sống này.

Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” được sáng tác vào tháng 11 năm 1980. Điều đặc biệt ở chỗ, đó là khoảnh khắc hấp hối của thi nhân trên giường bệnh. Giữa cái không khí se se của năm mới, dù phải chống trọi với cơn đau của bệnh tật, Thanh Hải vẫn dành trọn từng giây từng phút cho văn chương nghệ thuật, cho đời và cho người. Tôi nhớ Hàn Mặc Tử, nhà thơ của “Mùa xuân chín” cũng từng sáng tác thành công bài thơ “Đây thôn Vĩ Dạ” chan chứa tình người, tình đời khi bản thân đang phải chịu đựng căn bệnh phong ghê gớm. Thanh Hải cũng như thế. Ở ông, ta bắt gặp một “tấm lòng sứ điệp” sâu nặng, nhất là trước lúc lâm chung, mới thấy cái tình ấy của nhà thơ thật đậm đà biết nhường nào.

Làm văn, làm thơ là để “gửi hương cho gió” (Xuân Diệu) dù chỉ để gió cuốn đi. Thanh Hải đã gửi cái hương lòng của mình phả vào từng khổ thơ. Mỗi câu, mỗi chữ đọc lên như nắm bắt được cái linh hồn chan chứa của tác giả. Đến với khổ thơ đầu tiên, ta bỗng bắt gặp một lòng yêu say sưa trước bức tranh thiên nhiền mùa xuân đầy xuân sắc, xuân tình. Một vẻ đẹp hết sức tự nhiên, nhẹ nhàng, đặc trưng cho mùa xuân nơi xứ Huế.

*"Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng."*

Ngay ở dòng đầu tiên, với phép đảo trật tự ngữ pháp, động từ “mọc” được đặt trước hình ảnh “dòng sông xanh” và “hoa tím biếc”, tác giả đã gợi được cái sức sống trỗi dậy, vươn mình của vạn vật trước mùa xuân. Không tranh nhiều lời, bức tranh hiện lên sắc nét qua những hình ảnh chọn lọc đầy tiêu biểu, đó là dòng sông Hương thơ mộng, nước trong xanh êm đềm, điểm thêm sắc tím biếc mộng mơ của bông lục bình lững lờ trôi. Nếu mùa xuân trong thơ Tố Hữu có “mơ nở trắng rừng” thì Thanh Hải chỉ say đắm một đóa lục bình tím mà thôi. Câu thơ thứ hai đọc lên tưởng chừng vô lý, bởi lẽ giữa dòng sông dài rộng kia làm sao chỉ có “một bông hoa” cho được? Thế nhưng đằng sau cái vô lý của logic còn là cái có lý của cảm xúc. Bút pháp chấm phá cùng điểm nhìn đặt vào một bông hoa nhỏ bé giữa dòng đã phần nào tạo nên điểm nhấn cho bức tranh. Là một bông nhưng không hề gợi ra cái vẻ cô đơn lẻ loi, trái lại, đó là cảm giác say mê ngắm nhìn, tận hưởng cảnh đẹp của tạo hóa.

Xuân không chỉ hiện hữu qua màu sắc, đường nét mà còn hài hòa cả âm thanh. Là cái tiếng hót trong trẻo thanh thanh của chú chiền chiện nhỏ nhắn vang động cả không gian mùa xuân tĩnh tại. Tác giả đã rất tinh tế khi sử dụng một loạt các từ “chi, ơi” mang đậm âm hưởng ngọt ngào, dễ thương đặc trưng cho giọng nói người Huế. Đó cũng như một điểm nhấn cho bức tranh mùa xuân của riêng Thanh Hải, của riêng Huế chứ không phải của bất cứ một vùng miền nào.

Ấn tượng nhất trong bức tranh đầy xuân sắc xuân tình là chi tiết “từng giọt long lanh rơi”. Không biết đó phải chăng là giọt mưa xuân hay giọt sương đêm còn vương chút lưu luyến trên lá mà ở lại? Đặt vào hoàn cảnh sáng tác bài thơ, giữa tiết trời đông lạnh giá, hanh khô của xứ Huế, hóa ra giọt sương ấy không chỉ đơn thuần là hình ảnh tả thực. Nó được tạo ra dưới hình thức nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “nghe -nhìn”. Nằm trên giường bệnh, làm sao thi nhân có thể đưa mắt ngắm nhìn giọt sương nhỏ bé ở xa? Chính tâm hồn nhạy cảm, đầy luyến ái đã gợi cho nhà thơ những vẻ đẹp chỉ có thể cảm nhận bằng toàn bộ trái tim mình. Ta hiểu “giọt long lanh” ấy chính là giọt âm thanh của tiếng chim, của sức sống mùa xuân đang phơi phới căng tràn trong lồng ngực. Thi nhân dường như đã quyện hòa hoàn toàn trong thiên nhiên tự lúc nào.

Câu thơ cuối là thái độ hết sức trân trọng của tác giả: “Tôi đưa tay tôi hứng”. Nâng niu “từng giọt sương” nhỏ bé hay cũng chính là trân trọng vẻ đẹp tự nhiên mà mẹ tạo hóa đã ban tặng cho con người. Phải có một tình yêu, sự gắn bó thiết tha vào cuộc sống, với quê hương đất nước, phải có một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, nhà thơ mới có được những cảm nhận về mùa xuân hay đến vậy. Đặc biệt hơn, đó còn là giờ khắc nhà thơ hấp hối trên giường bệnh thì ắt hẳn tình yêu ấy còn nồng nàn đạt đến cực điểm vô bờ.

Nếu như ở khổ thớ thứ nhất, ta bắt gặp một bức tranh thiên nhiên đầy xuân sắc xuân tình, thì ở khổ thứ hai, ta không khỏi xao xuyến trước bức tranh sinh hoạt đầy ấm áp của con người:

*"Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc giắt đầy trên lưng*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ*

*Tất cả như hối hả*

*Tất cả như xôn xao."*

Để khắc họa mùa xuân của đất nước, tác giả đã thật tài tình khi chọn lọc được những hình ảnh tiêu biểu nhất. Đó có lẽ là những kí ức sâu đậm, không thể xóa nhòa trong tâm trí của một người con yêu quê hương, yêu Tổ quốc. Hình ảnh “người cầm súng” – hình ảnh đẹp nhất, cao cả nhất đại diện cho lực lượng chiến đấu và bảo vệ quê hương. Hình ảnh “người ra đồng” – lực lượng lao động sản xuất xây dựng xã hội chủ nghĩa. Đó chính là hai lực lượng cao quý nhất không chỉ với thời Thanh Hải mà còn cho cả hôm nay. Đất nước vắng tiếng bom, không gian trong lành, bình yên, lại thêm con người hào hứng lao động. Là gì đây nếu không phải sức sống căng tràn tiềm ẩn trong mùa xuân mới của dân tộc?

Hình ảnh “lộc” được tác giả lặp lại hai lần, không chỉ là lộc non, lộc biếc của mùa xuân, tươi non trên cành lá mà còn tượng trưng cho thành quả lao động sản xuất và chiến đấu, là thành quả của cuộc cách mạng Việt Nam trên khắp các mặt trận giải phóng dân tộc. Điệp ngữ “tất cả” tạo nên cái điệp khúc dồn dập, “hối hả, xôn xao”. Chỉ với hai tính từ láy nhưng tác giả đã thể hiện thành công cái không khí “người người thi đua, nhà nhà thi đua” xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mùa xuân mới của đất nước trong thơ Thanh Hải sao cứ gợi cho tôi nhớ đến mùa thu mới trong thơ Nguyễn Đình Thi? “Mùa thu nay khác rồi. Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi. Gió thổi mùa thu phấp phới. Rừng thu thay áo mới. Trong biếc nói cười thiết tha…” Chắc bởi lẽ cả hai bài thơ đều rạo rực khí thế của người chiến thắng, của cuộc sống mới, không còn gông xiềng nô lệ. Cả hai nhà thơ, ta đều cảm nhận được một tinh thần tự chủ, một tấm lòng sâu nặng với non sông gấm vóc Việt.

Như một lẽ thường tình, niềm tự hào trong Thanh Hải gợi cho nhà thơ nhớ về một thời lịch sử hào hùng của toàn dân tộc:

*"Đất nước bốn nghìn năm*

*Vất vả và gian lao*

*Đất nước như vì sao*

*Cứ đi lên phía trước."*

Trải qua muôn vàn thử thách gian lao, biết bao thế hệ cha anh đã hy sinh ngã xuống, biết bao máu xương của tổ tiên phải chôn vùi dưới lớp đất cổ ngàn năm. Giấc ngủ nghìn thu ấy gợi nhắc mỗi thế hệ trẻ hôm nay sống, tận hưởng nhưng vẫn phải tận hiến cho cuộc đời, cho xứng đáng với công sức mà tổ tiên ta để lại. Bốn ngàn năm, khoảng thời gian dài đủ để thi nhân bồi hồi nhưng cũng không kém phần tự hào, hãnh diện. Phép so sánh “đất nước như vì sao” là cách nói rất đẹp gợi đến lòng tin yêu vào một tương lai tươi sáng “cứ đi lên phía trước”. Đó cũng là niềm tin vào thế hệ trẻ hôm nay sẽ “Gánh vác phần người đi trước để lại. Dặn dò con cháu chuyện mai sau” (Nguyễn Khoa Điềm). Âm hưởng lời thơ vui vẻ, phơi phới. Tâm hồn ta cũng như cuộn trào trong từng đợt sóng lòng khôn nguôi hòa vào mùa xuân và sức sống diệu kì của dân tộc.

Từ cảm xúc dạt dào, ngây ngát trước cảnh sắc đất nước, sâu thẳm trái tim nhà thơ như dậy lên một “mùa xuân nho nhỏ”, cũng là niềm khao khát cao đẹp của một tâm hồn trong ngần:

*"Ta làm con chim hót*

*Ta làm một nhành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến*

*Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc”*

Nếu như ở khổ thơ đầu, nhân vật trữ tình xưng “tôi”- tức là cái tôi riêng của thi nhân thì đến đây Thanh Hải đã chuyển thành “ta”, nghĩa là đại từ chỉ chung cho tất thảy mọi người. Nhà thơ như hòa nhập tâm hồn mình vào tâm hồn của tạo vật, con người để nói hộ chung tiếng nói của vô vàn những người khác. Làm thơ không chỉ nói cho mình mà còn ca thay lòng người. “Thơ đi từ chân trời của một người đến chân trời của tất cả” cũng bở lẽ đó.

Trở lại với mạch thơ, tôi ấn tượng nhất với điệp ngữ “ta làm” kết hợp với những hình ảnh vô cùng giản dị: con chim hót, nhành hoa, nhốt nhạc trầm. Tác giả một lần nữa nhấn mạnh mong ước mãnh liệt, tâm nguyện thiết tha, xúc động của mình: Muốn cống hiến cho đời. Điều đáng nói ở chỗ, Thanh Hải không mong ước được làm đại bàng, nhiều đóa hoa, cũng chẳng mong được trở thành một nốt nhạc cao vút. Ta bỗng thấy tận sâu trong mỗi từ mỗi câu là một sự tự nguyện chân thành, một khát khao được tận hiến cho cuộc đời một cách âm thầm, lặng lẽ mà ý nghĩa. Không to tát, không ồn ào, ước nguyện của thi nhân cũng giống như ước nguyện của anh thanh niên trên đỉnh núi Sa Pa cao hơn hai nghìn bảy trăm mét trong tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa” củ Nguyễn Thành Long. Họ là những con người có lối sống giản dị, không phô trương, thâm trầm nhưng sâu sắc. Một lần nữa ta như động lòng trước tấm lòng của một “Tấm lòng sứ điệp” nơi nhà thơ.

Tất cả những mong ước nhỏ nhoi kia đã khái quát thành một “mùa xuân nho nhỏ”. Sáng tạo, độc đáo, Thanh Hải đã mang đến một cách nghĩ đẹp, một cách sống đẹp của một con người đẹp, một cuộc đời đẹp cống hiến và hi sinh máu thịt cho quê hương. Ta bỗng nhận ra, chính chúng ta, mỗi người hãy là một “mùa xuân nho nhỏ” dù chỉ rất nhỏ bé thôi cũng đủ sức góp vào một “mùa xuân lớn” của dân tộc. Đúng như một vĩ nhân từng nói rằng: “Xã hội như một bếp lửa mà ở đó luôn cần mỗi người góp chút củi của mình vào lửa thay vì ngồi đó và sụt sùi bên đống tro tàn”.

Cách nói “tuổi hai mươi, khi tóc bạc” chính là cách nói tượng trưng cho cuộc đời con người từ khi sinh ra và chết đi. Kết hợp với điệp ngữ “dù là”, tác giả đã nhấn mạnh rõ hơn chân lý muôn đời của cuộc sống.

Khép lại bài thơ cũng là khép lại mạch cảm xúc của tác giả:

*Mùa xuân ta xin hát
"Câu Nam ai Nam bình
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế."*

Vẫn mở đầu bằng mùa xuân, bằng đại từ “ta” như hòa vào cảm xúc chung của toàn dân tộc, khúc hát Nam ai Nam bình đã được tác giả nhắc lại như một niềm tự hào vô bờ bến. Hình ảnh “nước non ngàn dặm mình. Nước non ngàn dặm tình” vang lên mặn mà mà dung thủy, gắn bó chẳng thể rời xa. Phải chăng đó là ẩn dụ của đất mẹ đang vỗ về người con ưu tú của quê hương? Văng vẳng đâu đây vẫn là lời ca ngọt ngào của một tâm hồn nhạy cảm, một lòng yêu thương gắn bó máu thịt với quê hương của nhà thơ Thanh Hải.

Có thể nói, vượt lên rất nhiều bài thơ viết về mùa xuân của các thi nhân Việt Nam, “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải đã để lại cho đời một ý nghĩa thật lớn lao. Ngôn ngữ thơ giản dị, mộc mạc với giọng điệu tâm tình, thủ thỉ. Hình ảnh thơ trong sáng, khoáng đạt. Biểu tượng thơ sâu sắc, đa nghĩa… Tác giả không chỉ biết hiện một bức tranh thiên nhiên hút hồn người mà còn như một dịp cất lên tiếng lòng thiết tha của một người con yêu nước. Thấm vào từng trang thơ là niềm tin mãnh liệt vào sức sống lâu bền của dân tộc.